



BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

SỞ CÔNG THƯƠNG TRÀ VINH

ĐC: SỐ 02 LÝ TỰ TRỌNG, PHƯỜNG 1, TP. TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

Website: <http://sct.travinh.gov.vn> - Điện thoại: 0294 3852 594

Số 03

Ngày 22/3/2023



TÀI LIỆU THAM KHẢO - PHỤC VỤ ĐIỀU HÀNH QUẢN LÝ

BẢN TIN THỊ TRƯỜNG

TỔNG HỢP HÀNG TUẦN - PHÂN TÍCH - DỰ BÁO

**Thông tin phục vụ cho lãnh đạo các đơn vị, doanh nghiệp
tham khảo, điều hành**

<i>Trong số này</i>	<i>Trang</i>
MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý	1
Kinh tế thế giới	1
Kinh tế trong nước	2
Thông tin chính sách và phổ biến ứng dụng khoa học kỹ thuật	3
THÔNG TIN NÔNG SẢN	4
Hoa quả Việt xuất sang Trung Quốc tăng mạnh	4
Triển vọng thị trường nông sản khu vực Bắc Mỹ	5
THÔNG TIN THỦY SẢN	9
Xuất khẩu thủy sản tháng 2/2023 tăng 4%	9
Thủy sản nuôi trồng – những tín hiệu tích cực	10
THÔNG TIN CHĂN NUÔI	12
Tổng quan thị trường thịt thế giới và trong nước tháng 2/2023	12
THÔNG TIN LÚA GẠO	16
Tổng quan thị trường lúa gạo	16
THÔNG TIN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP	18
Tổng quan thị trường phân bón và dự báo	18
THÔNG TIN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI	21
Tích cực đưa nông sản Đồng bằng sông Cửu Long vào hệ thống siêu thị Central Retail	21
Các giải pháp tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng thị trường xuất khẩu	22
THÔNG TIN GIAO THƯƠNG	23
THÔNG TIN CẢNH GIÁC	26
Người trồng bưởi da xanh thất thu nặng	26
THÔNG TIN AN TOÀN THỰC PHẨM	27
Thu hồi nấm kim châm có xuất xứ từ Đài Loan do nhiễm khuẩn Listeria	27
GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG	28
Giá cả trong tỉnh	28

MỘT SỐ THÔNG TIN ĐÁNG CHÚ Ý

KINH TẾ THẾ GIỚI

* FAO: Chỉ số giá thực phẩm thế giới giảm tháng thứ 11 liên tiếp

Theo báo cáo của Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên hợp quốc (FAO), chỉ số giá hàng hóa lương thực thế giới trong tháng 2/2023 đã giảm nhẹ, đây là tháng thứ 11 giảm liên tiếp.

Chỉ số giá lương thực thế giới tháng 2/2023 đạt trung bình 129,8 điểm, giảm nhẹ 0,6% so với tháng 1/2023 nhưng giảm 18,7% so với mức cao nhất trong tháng 3/2022. Trong đó, giá dầu thực vật và các sản phẩm từ sữa giảm, bù đắp lại là giá đường tăng mạnh.

Chỉ số giá ngũ cốc thế giới tháng 2/2023 hầu như không thay đổi so với tháng 1/2023. Giá lúa mì thế giới tháng 2/2023 tăng nhẹ do lo ngại về thời tiết khô hạn ở Mỹ và nguồn cung từ Australia bị cạnh tranh mạnh mẽ giữa các nhà xuất khẩu. Giá gạo thế giới tháng 2/2023 giảm 1% do hoạt động của các nước xuất khẩu ở châu Á chậm lại, đồng tiền cũng mất giá so với đồng đô la Mỹ.

Chỉ số giá dầu thực vật thế giới tháng 2/2023 giảm 3,2% so với tháng 1, với giá dầu cọ, đậu nành, hạt hướng dương và hạt cải dầu đều giảm.

Chỉ số giá bơ sữa thế giới tháng 2/2023 đã giảm 2,7%, với giá bơ và sữa bột gầy giảm mạnh nhất.

Chỉ số giá thịt thế giới tháng 2/2023 cũng hầu như không thay đổi so với tháng 1/2023. Giá gia cầm thế giới tiếp tục giảm trong bối cảnh nguồn cung xuất khẩu dồi dào, bất chấp ảnh hưởng của dịch cúm gia cầm bùng phát ở một số nước sản xuất chủ yếu, trong khi giá thịt lợn tăng, chủ yếu là do lo ngại về nguồn cung xuất khẩu khan hiếm ở châu Âu.

Ngược lại, Chỉ số giá đường thế giới tháng 2/2023 tăng 6,9% so với tháng 1 lên mức cao nhất trong 6 năm, phần lớn là do điều chỉnh giảm dự báo sản lượng niên vụ 2022/23 ở Ấn Độ, mặc dù dự báo vụ mùa thuận lợi ở các nhà cung cấp khác, kết hợp với giá dầu thô thế giới giảm, giá dầu và giá ethanol tại Brazil giảm, hạn chế áp lực tăng giá đường.

Trong Bản tóm tắt về cung cầu ngũ cốc mới nhất, FAO đã đưa ra dự báo sơ bộ về sản lượng lúa mì thế giới năm 2023, dự đoán sản lượng toàn cầu đạt 784 triệu tấn, đây là mức cao thứ hai mặc dù giảm so với năm trước. Sản lượng ở Bắc Mỹ dự kiến sẽ tăng, do nông dân tăng diện tích để đáp ứng với giá ngũ cốc cao.

Ở các quốc gia Nam bán cầu, triển vọng sản xuất ngũ cốc thô năm 2023 nhìn chung là thuận lợi và tổng diện tích trồng ngô ở Brazil được dự đoán sẽ đạt mức kỷ lục.

FAO cũng đã điều chỉnh tăng dự báo sản lượng ngũ cốc thế giới năm 2022 lên 2.774 triệu tấn, vẫn thấp hơn 1,3% so với năm 2021.

Tiêu thụ ngũ cốc toàn cầu trong niên vụ 2022/23 được dự báo đạt mức 2.780 triệu tấn, giảm 0,6% so với niên vụ trước, do tiêu thụ tất cả các loại ngũ cốc thô chính đều giảm.

FAO dự báo dự trữ ngũ cốc toàn cầu kết thúc vào năm 2023 sẽ giảm 1,2% so với mức đầu vụ, xuống còn 844 triệu tấn, do dự trữ ngũ cốc thô và dự trữ gạo giảm, nhưng cao hơn dự trữ lúa mì. Dựa trên những dự báo mới, tỷ lệ tiêu thụ ngũ cốc/dự trữ sẽ ở mức 29,5%, được coi là "mức độ phù hợp". Xuất khẩu ngũ cốc thế giới được dự đoán sẽ giảm 1,8% xuống còn 473 triệu tấn.

Hạn hán, xung đột và giá cả tăng cùng với những khó khăn về kinh tế vĩ mô đang làm trầm trọng thêm tình trạng mất an ninh lương thực ở nhiều quốc gia. Theo dự báo của FAO, tổng cộng có 45 quốc gia trên thế giới được đánh giá là cần hỗ trợ từ bên ngoài về lương thực.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)



KINH TẾ TRONG NƯỚC

*** WB dự báo tăng trưởng kinh tế năm 2023 của Việt Nam đạt 6,3%**

Ngày 13/3 tại Hà Nội, Ngân hàng Thế giới (WB) công bố báo cáo "Cập nhật tình hình kinh tế Việt Nam" ấn bản tháng 3/2023. Tăng trưởng kinh tế của Việt Nam được dự báo sẽ hạ còn 6,3% trong năm 2023, sau khi đạt mốc cao 8% vào năm trước, do tăng trưởng ở khu vực dịch vụ chững lại, giá cả và lãi suất leo thang ảnh hưởng đến các nhà đầu tư và hộ gia đình.

Với tiêu đề "Đánh thức tiềm năng dịch vụ để tăng trưởng", ấn phẩm kỳ này đưa ra các khuyến nghị cải cách để khai thác tiềm năng của khu vực dịch vụ. Theo đó, ghi nhận kinh tế Việt Nam đã phục hồi mạnh mẽ vào năm 2022, với mức tăng trưởng đạt 8%, vượt mức trung bình 7,1% trong giai đoạn 2016 - 2019. Điều này một phần là do hiệu ứng cơ sở thấp, được thúc đẩy bởi phục hồi của tiêu dùng cá nhân trong nước sau đại dịch COVID-19 và hoạt động mạnh mẽ trong sản xuất định hướng xuất khẩu.

Tuy nhiên, đóng góp của khu vực công vào tăng trưởng còn hạn chế do việc triển khai các chương trình đầu tư công còn yếu kém. Trong khi việc làm phục hồi về mức trước COVID-19 vào năm 2022, nhu cầu toàn cầu yếu hơn đã dẫn đến tình trạng các đơn đặt hàng và xuất khẩu chậm lại trong quý IV/2022, đồng thời gây ra áp lực mới lên thị trường lao động. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) trung bình là 3,1%. Lĩnh vực tài chính của Việt Nam chịu nhiều áp lực hơn trong năm 2022, trong khi cán cân tài khóa ước tính thặng dư.

Tuy nhiên, sang năm 2023, tốc độ tăng trưởng GDP dự kiến sẽ chậm lại ở mức 6,3%. Tốc độ tăng trưởng của ngành dịch vụ sẽ ở mức vừa phải khi các tác động cơ bản là thấp từ hậu COVID-19 đang giảm dần. Động lực tăng trưởng chính sẽ là nhu cầu trong nước, có thể bị ảnh hưởng bởi lạm phát ước tính cao hơn (trung bình 4,5%) vào năm 2023. Với nhu cầu bên ngoài yếu hơn, đóng góp của xuất khẩu ròng sẽ ảnh hưởng đến tăng trưởng. Nền kinh tế dự kiến sẽ được hưởng lợi từ việc thực hiện một phần Chương trình hỗ trợ kinh tế 2022 - 2023. Một chính sách tiền tệ linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với các mục tiêu của chính sách tài khóa, sẽ giúp kiểm soát lạm phát trong nước.

Bà Carolyn Turk, Giám đốc Quốc gia Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam cho hay, Việt Nam còn dư địa để triển khai các biện pháp nhằm thúc đẩy tăng trưởng, không như nhiều quốc gia khác. Thực hiện hiệu quả các dự án đầu tư công trọng điểm là một chìa khóa tăng trưởng trong cả ngắn và dài hạn. Đồng thời, chính sách tài khóa và tiền tệ phải đồng bộ để đảm bảo hỗ trợ nền kinh tế và đảm bảo ổn định kinh tế vĩ mô hiệu quả.

Ngành dịch vụ đã trở thành ngành lớn nhất của nền kinh tế Việt Nam, tăng từ 40,7% GDP năm 2010 lên 44,6% GDP năm 2019. Tỷ trọng việc làm của ngành đã tăng từ 29,6% năm 2010 lên 35,3% năm 2019. Là nguồn việc làm lớn nhất, ngành này đã hấp thụ một phần đáng kể lao động từ ngành nông nghiệp.

Tuy nhiên, năng suất lao động và hiệu quả việc làm của ngành dịch vụ Việt Nam vẫn còn thấp so với các nước khác. Mặc dù đã tăng 34,3% trong giai đoạn 2011 - 2019, năng suất lao động ngành dịch vụ của Việt Nam (được đo bằng giá trị gia tăng trên mỗi lao động) vẫn thấp hơn nhiều so với nhiều nước trong khu vực. Đơn cử, năng suất lao động ngành dịch vụ của Việt Nam (được đo bằng giá trị gia tăng trên mỗi lao động) là 5.000 USD (USD không đổi) trên mỗi lao động vào năm 2019, vẫn thấp hơn nhiều so với các nước so sánh, bao gồm Malaysia (20.900 USD), Philippines (9.300 USD), và Indonesia (7.300 USD).

Theo bà Dorsati Madani, Chuyên gia kinh tế cao cấp của WB, trong tương lai, nếu được tận dụng hợp lý, các ngành dịch vụ có thể đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ tăng trưởng năng suất bền vững của Việt Nam và đạt được mục tiêu trở thành nền kinh tế có thu nhập cao vào năm 2045. Tất cả các nền kinh tế có thu nhập cao đều có khu vực dịch vụ lớn mang lại nguồn việc làm và giá trị gia tăng lớn nhất. Quy mô doanh nghiệp nhỏ, hạn chế đối với thương mại dịch vụ, khả năng ứng dụng công nghệ thấp và ít liên kết liên ngành ảnh hưởng đến năng suất của ngành dịch vụ.

Để có thể khai thác tiềm năng tăng trưởng của ngành dịch vụ, theo đại diện WB cần có những cải cách chính sách để khai phá tiềm năng của khu vực này nhằm đóng góp vào tăng trưởng kinh tế bền vững của Việt Nam. Các hành động ưu tiên bao gồm: Xóa bỏ rào cản về thương mại và đầu tư nước ngoài trong lĩnh vực này và triển khai cải cách để đẩy mạnh cạnh tranh cũng như khả năng tiếp cận tài chính cho các doanh nghiệp trong nước. Cùng với đó, tập trung vào các dịch vụ có thể thúc đẩy tăng trưởng hơn nữa ở những ngành, lĩnh vực khác, cụ thể là lĩnh vực chế tạo chế biến...



(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN CHÍNH SÁCH VÀ PHỔ BIẾN ỨNG DỤNG KHOA HỌC KỸ THUẬT*** Tác dụng của bột protein gạo trong khẩu phần ăn của tôm thẻ chân trắng**

Bột protein gạo (RPM) là một loại protein có ít kháng nguyên không gây ra phản ứng dị ứng. RPM được chiết xuất bằng cách tách từ các sản phẩm phụ của quá trình chế biến như tấm, mầm gạo, cám gạo và trấu. Hàm lượng protein thô của nó thường là 60-68% và hàm lượng protein tiêu hóa của nó là 56% trở lên, làm cho nó có hiệu quả sinh học cao hơn và dễ hấp thụ và sử dụng hơn so với ngô, lúa mì và các loại protein khác. Ngoài ra, các sản phẩm thủy phân protein từ gạo có chứa nhiều loại peptide phân tử nhỏ có hoạt tính sinh lý với các hoạt động chống oxy hóa và điều hòa miễn dịch. RPM có nguồn gốc rộng rãi, năng suất cao và giàu chất dinh dưỡng.

Một số nghiên cứu đã báo cáo việc thay thế bột cá bằng RPM trong khẩu phần ăn của tôm thẻ chân trắng (*Litopenaeus vannamei*) để đánh giá khả năng sử dụng và khả năng tiêu hóa chất dinh dưỡng của RPM của tôm và báo cáo rằng có thể thay thế bột cá bằng RPM trong thức ăn cho tôm. Tuy nhiên, hàm lượng protein thực vật cao có thể gây hại cho sức khỏe của tôm và ảnh hưởng đến thành phần vi khuẩn đường ruột của tôm.

Nghiên cứu thực hiện tại Khu công nghệ cao của Đại học Đại dương Quảng Đông, Trung Quốc. Tôm giống được lấy từ Cơ sở giống nuôi trồng thủy sản biển phía Nam của Trung Quốc.

Kết quả nghiên cứu cho thấy bột protein từ gạo (RPM) có thể được sử dụng hợp lý để thay thế một lượng nhỏ bột cá trong thức ăn cho tôm. Không ảnh hưởng đến sự tăng trưởng của tôm khi thay thế một phần bột cá ở RPM (10%), nhưng khả năng tiêu hóa, tổng hợp protein, khả năng chống oxy hóa, khả năng miễn dịch không đặc hiệu và khả năng kháng bệnh được cải thiện đáng kể. Và việc thay thế 10–40% bột cá bằng RPM đã cải thiện cấu trúc hệ vi khuẩn đường ruột của tôm.

*** Bổ sung Chondroitin Sulfate cho tôm sú**

Nhóm nghiên cứu của Đại học Hải Dương Quảng Đông đã tiến hành nghiên cứu nhằm đánh giá ảnh hưởng của các mức bổ sung CS khác nhau đến sự sinh trưởng của tôm sú. Quan trọng hơn, các tác giả đã thử nghiệm khả năng CS là một chất phụ gia mới bằng cách đánh giá tỷ lệ sống của tôm sú sau khi nhiễm *Vibrio harveyi*, Virus hội chứng đốm trắng (WSSV), Virus Decapod Iridescent 1 (DIV1) và sự thay đổi miễn dịch liên quan.

Như vậy, việc bổ sung CS vào chế độ ăn có thể cải thiện năng suất tăng trưởng và khả năng kháng bệnh của tôm sú, điều này có thể đạt được bằng cách cải thiện hoạt động của các enzym miễn dịch, ổn định hoạt động của các enzym tiêu hóa và bảo vệ đường ruột khỏi sự xâm nhập của mầm bệnh tiềm tàng. Kết quả cung cấp một tài liệu tham khảo tiềm năng cho việc áp dụng CS trong thức ăn thủy sản.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN NÔNG SẢN

* Hoa quả Việt xuất sang Trung Quốc tăng mạnh

Theo thống kê của Cục Hải quan Lạng Sơn, từ đầu năm đến nay đã có trên 1.360 lô hàng hoa quả các loại với gần 220.000 tấn đã được xuất khẩu qua 5 cửa khẩu của tỉnh Lạng Sơn, tăng 140% so với cùng kỳ năm trước.

Lượng phương tiện vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu được thông quan qua cửa khẩu Lạng Sơn trong tháng 1 đạt khoảng 1.000 xe/ngày.

Sầu riêng là mặt hàng xuất khẩu tăng mạnh nhất đạt gần 23.000 tấn với giá bán tăng khá so với trước đây. Giá sầu riêng hiện tại từ 80.000 - 100.000 đồng/kg.

Khó khăn khi xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc

Hiện 80% hàng hóa thông quan qua các cửa khẩu Lạng Sơn là trái cây. Mặc dù sản lượng tăng mạnh trong thời gian qua nhưng người trồng và các doanh nghiệp xuất khẩu cùng cần nhận thức rõ những thay đổi ngày càng cao từ thị trường Trung Quốc. Thực tế đó đặt ra yêu cầu đối với các doanh nghiệp cũng như người nông dân Việt Nam đối mặt với những khó khăn, thách thức.

Công ty CP Xuất nhập khẩu Toàn Cầu đã có nhiều năm buôn bán với Trung Quốc. Các sản phẩm xuất sang thị trường này chủ yếu là trái cây chế biến như hoa quả sấy khô, nước ép trái cây đóng lon. Dù đã có nhiều kinh nghiệm giao thương với phía bạn nhưng việc Trung Quốc liên tục hoàn thiện hệ thống pháp luật thông qua hai lần sửa đổi luật an toàn thực phẩm cũng khiến doanh nghiệp gặp không ít khó khăn.

"Phía Trung Quốc thường đưa ra những thông báo thay đổi khá đột ngột khiến cho nhiều doanh nghiệp bị động trong khâu chuẩn bị, đặc biệt với doanh nghiệp mới làm với Trung Quốc có yêu cầu cao về tiêu chuẩn và quy trình không kịp trở tay", ông Nguyễn Đức Hưng - Giám đốc Công ty CP Xuất nhập khẩu Toàn Cầu cho biết.

Trung Quốc đang hướng tới tăng cường nhập khẩu rau quả từ khối ASEAN. Thông qua Hiệp định RCEP, doanh nghiệp các nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam có nhiều điều kiện tiếp cận thị trường 1,4 tỷ dân.

Khó khăn lớn nhất trong việc đẩy mạnh xuất khẩu rau quả sang Trung Quốc, theo Hiệp hội rau quả Việt Nam là còn tới 7/12 mặt hàng xuất khẩu chưa có nghị định thư. Điều này khiến một số mặt hàng chủ lực như thanh long, xoài, mít khó phát huy hết tiềm năng.

Ông Đặng Phúc Nguyên - Tổng thư ký Hiệp hội Rau quả Việt Nam cho biết: "Ví dụ 1 mã code xuất khẩu thanh long từ lúc nộp hồ sơ đến khi được cấp mất đến 6 - 7 tháng. Trong khoảng thời gian đó, doanh nghiệp vẫn phải duy trì chi phí cho công nhân, nhà xưởng... gây tổn kém nhiều".

Việc ứng dụng số hóa vào thương mại nông sản giữa Việt Nam và Trung Quốc còn yếu. Hình thức phân phối các sản phẩm nông, thủy sản của Việt Nam tại thị trường Trung Quốc vẫn chủ yếu thông qua kênh thương mại truyền thống, chưa tận dụng và phát huy được kênh thương mại điện tử.

"Việt Nam là thị trường tôi đánh giá rất tiềm năng. Vai trò Hiệp hội chúng tôi là hỗ trợ pháp lý để doanh nghiệp hai nước có thể hiểu rõ chính sách của nhau, từ đó việc giao dịch sẽ tiến hành thuận lợi hơn, đảm bảo lợi ích giữa các bên được hài hòa. Hiện chúng tôi có văn phòng tại Nam Ninh, Bằng Tường, Hà Nội, TP Hồ Chí Minh để sẵn sàng kết nối doanh nghiệp hai nước sang tìm hiểu thị trường của nhau để thúc đẩy hoạt động giao thương trong thời gian tới", bà Điền Nguyệt Khiết - Chủ tịch Hiệp hội Xúc tiến sản phẩm nông sản Bằng Tường - ASEAN thông tin.

Năm trước, xuất khẩu nông lâm thủy sản Việt Nam sang thị trường Trung Quốc đạt hơn 14 tỷ USD, chiếm chưa đến 5% tổng lượng nhập khẩu nông lâm thủy sản của nước này, trong khi dư địa còn rất lớn.

Vì vậy để tận dụng tối đa các lợi thế của điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng, chất lượng nông sản Việt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xem nay là năm chuẩn hóa các công tác quản lý từ khâu canh tác, logistics. Đồng thời, các hiệp hội ngành hàng, doanh nghiệp cần liên kết chặt chẽ hơn nữa để tạo ra sức phát triển mới cho cộng đồng.

* Triển vọng thị trường nông sản khu vực Bắc Mỹ

Bắc Mỹ đồng nhất hơn so với các khu vực khác nhờ Hoa Kỳ và Canada là hai quốc gia phát triển cao với nền kinh tế lớn mạnh và đa dạng. 369 triệu người của khu vực này chiếm chưa đến 5% dân số toàn cầu, một tỷ lệ dự kiến sẽ giảm trong thập kỷ tới với mức tăng dân số chỉ 0,6%. Tỷ trọng nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tổng GDP khu vực chỉ là 1,1%, nhưng khu vực này là khu vực đóng góp lớn cho nền nông nghiệp toàn cầu.

Với 10% diện tích đất được sử dụng cho nông nghiệp trên toàn cầu, khu vực này có nhiều đất nông nghiệp nhất trên đầu người. Khu vực này đóng góp 9% sản lượng nông nghiệp và thủy sản toàn cầu và mang lại giá trị sản xuất nông nghiệp và thủy sản cao nhất trên đầu người. Trong giai đoạn 2019-2021, khu vực này có thặng dư thương mại lớn thứ ba đối với các mặt hàng nông sản (sau Mỹ Latinh và Nam và Đông Nam Á) và chiếm 13% xuất khẩu toàn cầu. Tuy nhiên, tỷ trọng của Bắc Mỹ trong nông nghiệp toàn cầu đang giảm dần theo thời gian do sản lượng và xuất khẩu từ các khu vực khác đang tăng nhanh hơn. Đến năm 2031, Bắc Mỹ dự kiến sẽ chiếm 12% xuất khẩu nông sản và cả toàn cầu. Mặc dù dự kiến vẫn có thặng dư thương mại lớn thứ ba vào năm 2031, nhưng con số này sẽ thấp hơn 60% giá trị trong giai đoạn cơ sở vào năm 2031.

Nông nghiệp ở Bắc Mỹ có đặc điểm là cường độ đầu vào cao, nhưng trong thập kỷ tính đến năm 2019, năng suất các yếu tố tổng hợp ước tính thực tế đã giảm 1%, sau khi tăng trưởng mạnh trong thập kỷ trước chủ yếu do đầu tư vốn. Mức sử dụng phân bón cao so với hầu hết các khu vực khác, cho thấy rằng chi phí phân bón tăng trong ngắn hạn sẽ làm giảm đáng kể tỷ suất lợi nhuận. Sản xuất cũng có xu hướng thâm dụng vốn, vì nó diễn ra chủ yếu ở các đơn vị thương mại lớn. Theo đó, khu vực này ghi nhận năng suất đất đai và vật nuôi rất cao, được đo bằng sản lượng cây trồng, sản lượng sữa và tỷ lệ gia súc/thịt bán ra.

Sự suy giảm dài hạn trong sử dụng đất nông nghiệp và đất sản xuất cây trồng đã chậm lại trong những năm gần đây, chỉ phản ánh một sự thu hẹp khiêm tốn trong thập kỷ qua. Năng suất đã được cải thiện đến mức sản lượng trồng trọt tăng 12% so với cùng kỳ. Xu hướng này dự kiến sẽ tiếp tục, với mức tăng 13% trong sản xuất cây trồng mặc dù việc sử dụng đất trồng trọt dự kiến sẽ giảm 2% vào năm 2031. Sản xuất chăn nuôi đóng góp đáng kể với tỷ trọng trong tổng giá trị sản lượng nông nghiệp tăng trong thập kỷ qua lên mức trung bình là 36% từ năm 2019 đến năm 2021. Con số này so với tỷ lệ chăn nuôi trung bình toàn cầu là 30%. Tuy nhiên, hàng tồn kho chăn nuôi tương đối thấp hơn do năng suất cao. Ví dụ, sản lượng thịt bò trên mỗi con vật cao gấp ba lần mức trung bình toàn cầu. Khu vực này là khu vực sản xuất cá nhỏ so với các khu vực khác và tỷ trọng của khu vực này trong sản lượng toàn cầu sẽ giảm xuống còn 3% vào năm 2031.

Tiêu thụ lương thực bình quân đầu người trong khu vực là cao nhất trong tất cả. Điều này được hỗ trợ bởi thu nhập bình quân đầu người cao nhất (54.588 USD) và tỷ lệ đô thị hóa cao nhất (83%), ảnh hưởng đến cả mức độ và thành phần của lượng thức ăn tiêu thụ. Đại dịch COVID-19 và các biện pháp được áp dụng để hạn chế sự lây lan của nó đã làm giảm GDP bình quân đầu người trong khu vực xuống 4,2% vào năm 2020. Mặc dù tỷ lệ mất an ninh lương thực phổ biến tăng lần đầu tiên vào năm 2020 kể từ năm 2014, cơ sở người tiêu dùng trưởng thành, kết hợp với các biện pháp hỗ trợ thu nhập và các gói kích thích tiếp theo có nghĩa là cú sốc từ đại dịch có ảnh hưởng lớn hơn đến thành phần và phân phối doanh số bán thực phẩm so với số lượng tiêu thụ. Với việc nhà hàng đóng cửa và lượng người đi ăn ngoài giảm, trong khi doanh số bán hàng tạp hóa bán lẻ tăng, đã thúc đẩy những thay đổi đáng kể trong

chuỗi cung ứng thực phẩm. Trước đại dịch, một nửa số chi tiêu của người tiêu dùng Mỹ và 35% chi tiêu của người tiêu dùng Canada được chi cho thực phẩm xa nhà. Sự thay đổi trong doanh số bán lẻ cũng bao gồm những thay đổi đối với loại thực phẩm và kích cỡ bao bì được yêu cầu.

Việc thích ứng với chuỗi cung ứng thực phẩm cần có thời gian, dẫn đến lãng phí gia tăng trong thời gian ngắn, nhưng nó có thể trở lại mức gần bình thường trong vòng vài tháng và có khả năng chống chịu tốt hơn trước những cú sốc trong tương lai nhờ sự thích ứng này...

Khu vực Bắc Mỹ là nơi sản xuất và xuất khẩu nông sản lớn và nếu giá cao hiện tại vẫn tiếp tục do hạn chế về nguồn cung từ khu vực Biển Đen do chiến tranh, thì khả năng đáp ứng với nguồn cung gia tăng sẽ rất quan trọng đối với tính sẵn có và khả năng chi trả thực phẩm trên toàn cầu. Sự suy giảm sử dụng đất trồng trọt trong quá khứ cho thấy rằng có thể mở ra một số triển vọng tăng trưởng. Tuy nhiên, một số bằng chứng cho thấy rằng tăng trưởng năng suất đã chậm lại trong thập kỷ qua và cùng với chi phí môi trường ngày càng tăng, khả năng cạnh tranh có thể bị xói mòn trong tương lai.

Sản xuất

Nâng cao năng suất thúc đẩy sản lượng gia tăng, sử dụng ít đất hơn

Sản xuất nông nghiệp và thủy sản ở Bắc Mỹ dự kiến sẽ tiếp tục tăng trưởng, mặc dù với tốc độ chậm hơn là 11% trong thập kỷ tới so với trước đây. Mặc dù mức giá cao có thể giảm trong ngắn hạn, nhưng giá thực tế ổn định và trong một số trường hợp giảm trong trung hạn, cùng với đồng đô la Mỹ mạnh lên, vẫn là những động lực chính khiến tăng trưởng chậm lại. Trái ngược với thập kỷ trước, tăng trưởng dự kiến sẽ mạnh hơn trong lĩnh vực trồng trọt, sẽ tăng 13% vào năm 2031 so với giai đoạn 2019-2021, trong khi sản xuất chăn nuôi và cá được dự báo chỉ tăng 7%.

Tăng trưởng sản lượng cây trồng, bất chấp sự sụt giảm lịch sử trong sử dụng đất trồng trọt, tiếp tục giảm thêm 2% vào năm 2031, ngụ ý rằng sản lượng cây trồng trên mỗi ha sẽ tiếp tục tăng. Sử dụng đất trồng ngũ cốc dự kiến sẽ tăng 3,6%, do đó tăng tỷ trọng của ngũ cốc trong tổng diện tích đất trồng trọt lên 42% vào năm 2031. Diện tích trồng hạt có dầu dự kiến sẽ tăng 7% trong 10 năm tới, được hỗ trợ bởi giá cao vào đầu giai đoạn triển vọng, nhu cầu thức ăn chăn nuôi từ tăng trưởng chăn nuôi và tăng sản xuất nhiên liệu sinh học. Do đó, tỷ lệ hạt có dầu trong tổng diện tích cây trồng sẽ tăng lên 29% vào năm 2031. Từ một cơ sở nhỏ hơn nhiều, đất được sử dụng để trồng đậu cũng sẽ tăng 9% trong mười năm tới, trong khi đất trồng rau củ quả tiếp tục giảm. Tổng diện tích thu hoạch trong khu vực dự kiến chỉ giảm 1,5% - ít hơn tổng diện tích sử dụng đất do một số hoạt động thâm canh. Điều này kéo theo sự sụt giảm 2% ở Hoa Kỳ, trong khi diện tích thu hoạch ở Canada có thể tăng gần 1%. Tại Hoa Kỳ, tổng sản lượng cây trồng dự kiến sẽ tăng 12% so với giai đoạn gốc, trong khi ở Canada, mức tăng trưởng này sẽ mạnh hơn nhiều ở mức 21%. Trong trường hợp của Canada, mức tăng trưởng này bị ảnh hưởng ở một mức độ nào đó bởi giai đoạn cơ sở yếu, do sản lượng cây trồng giảm mạnh vào năm 2021, khi sản lượng ngũ cốc và hạt có dầu giảm lần lượt là 29% và 25%. Trong trung hạn, tăng trưởng sản xuất ở cả hai quốc gia chủ yếu bắt nguồn từ mức tăng năng suất từ 8% đối với ngũ cốc và 12% đối với hạt có dầu.

Tác động của suy thoái kinh tế liên quan đến đại dịch dẫn đến áp lực giảm giá thịt vào năm 2020, do khả năng chi tiêu của người tiêu dùng giảm, cũng như ảnh hưởng của COVID-19 và các biện pháp được áp dụng để ngăn chặn sự lây lan của nó đối với năng lực của cơ sở chế biến. Sự kết hợp giữa nhu cầu phục hồi và nguồn cung hạn chế do chi phí thức ăn chăn nuôi cao sẽ thúc đẩy sự phục hồi trong ngắn hạn, sau đó giá thực tế có xu hướng giảm xuống. Do đó, tăng trưởng sản xuất thịt ở Bắc Mỹ dự kiến sẽ chậm lại, nhưng sản lượng trong khu vực vẫn được dự kiến sẽ tăng lên 56 triệu tấn vào năm 2031, tăng 6% so với giai đoạn cơ sở. Trong số mức tăng 3,1 triệu tấn, 2,8 triệu tấn (90%), có nguồn gốc từ Hoa Kỳ. Sản xuất thịt gia cầm dự kiến sẽ tăng trưởng nhanh nhất trong số các loại thịt chính, ở mức 0,7%/năm, và sẽ chiếm 59% lượng thịt bổ sung được sản xuất vào năm 2031. Do đó, tỷ trọng của

ngành này trong tổng sản lượng thịt tăng lên 47% vào năm 2031. Tăng trưởng sản lượng thịt heo chỉ chậm hơn một chút so với sản lượng thịt gia cầm, trong khi sản lượng thịt bò dự kiến sẽ tăng với tốc độ tỷ lệ hàng năm chậm hơn chỉ 0,3%.

Những cải thiện về sản lượng sữa bò sữa là yếu tố chính giúp sản lượng sữa tăng 13%. Đến năm 2031, đàn bò sữa dự kiến sẽ tăng 3% so với giai đoạn cơ sở, trong khi sản lượng sữa tăng 9%.

Với sở thích của người tiêu dùng, tỷ lệ sữa sẽ tăng lên đối với các sản phẩm sữa chế biến và tỷ lệ giảm dần đối với sữa dạng lỏng.

Sản xuất thủy sản ở Bắc Mỹ vẫn chủ yếu là đánh bắt thủy sản, đóng góp 89% tổng sản lượng. Tổng sản lượng thủy sản dự kiến sẽ tăng lên 6,4 triệu tấn vào năm 2031, tăng thêm 7% so với 6 triệu tấn được sản xuất trong giai đoạn cơ sở. Hơn 65% sản lượng bổ sung sẽ đến từ Hoa Kỳ. Nuôi trồng thủy sản tiếp tục phát triển, mặc dù ở mức thấp hơn, và dự kiến sẽ đóng góp 12,4% tổng sản lượng vào năm 2031.

Mức tăng tổng lượng phát thải khí nhà kính từ nông nghiệp dự kiến sẽ chậm lại so với thập kỷ trước và thể hiện trên cơ sở bình quân đầu người, sẽ giảm. Tổng lượng phát thải từ nông nghiệp sẽ cao hơn 1,4% vào năm 2031 so với giai đoạn cơ sở. Khí thải từ các hoạt động chăn nuôi là nguyên nhân chính, tăng 1,5% liên quan đến việc mở rộng đàn gia súc nhai lại nhỏ. Tuy nhiên, phát thải từ ngành trồng trọt dự kiến sẽ giảm 0,5%.

Tiêu thụ

Thị hiếu của người tiêu dùng có khả năng thúc đẩy nhu cầu trong thập kỷ tới

Ở các nền kinh tế phát triển như Canada và Hoa Kỳ, những thay đổi trong mức tiêu thụ lương thực bình quân đầu người phần lớn được quyết định bởi những thay đổi về thị hiếu, nhưng những thay đổi này được dự đoán là nhỏ. Ảnh hưởng của đại dịch có thể khiến người ta tập trung nhiều hơn vào chế độ ăn uống lành mạnh, điều này sẽ có ảnh hưởng rõ rệt đến sản phẩm tươi sống nhưng những sản phẩm này không được đề cập trực tiếp trong Báo cáo này. Đối với một số loại sản phẩm riêng lẻ như chất làm ngọt và dầu thực vật, xu hướng giảm dường như đang nổi lên. Khi được đo bằng lượng calo sẵn có, mức tiêu thụ thực phẩm ở Bắc Mỹ sẽ tăng nhẹ 14 kcal/người/ngày vào năm 2031; vẫn cao hơn 25% so với mức trung bình toàn cầu và là mức cao nhất so với bất kỳ khu vực nào được đề cập trong Báo cáo Triển vọng. Theo khu vực, sự sụt giảm lớn nhất dự kiến đến từ chất tạo ngọt (-55 kcal) và ngũ cốc (-13 kcal). Những xu hướng này được bù đắp một phần bởi mức tiêu thụ các sản phẩm động vật ngày càng tăng, bao gồm thịt (+8 kcal) và sữa (+19 kcal). Mức tăng tổng lượng calo sẵn có sẽ lớn hơn ở Canada (24 kcal) so với ở Hoa Kỳ (13 kcal), nhưng mức calo tuyệt đối khả dụng ở Hoa Kỳ vẫn sẽ cao hơn nhiều so với ở Canada vào năm 2031.

Lượng protein tiêu thụ trong khu vực sẽ chỉ tăng nhẹ từ 114 g/ngày trong giai đoạn cơ sở lên 116 g/ngày vào năm 2031. Sự phân chia giữa các nguồn dựa trên động vật và thực vật dự kiến sẽ vẫn khá ổn định, với tỷ lệ protein thu được từ động vật tăng lên dưới 1% đến 65% tổng lượng protein sẵn có vào năm 2031.

Mức tiêu thụ thịt dự kiến sẽ tăng (0,7 kg/người), với thịt gia cầm và thịt lợn tăng lần lượt là 1,3 và 0,3 kg/người, trong khi thịt bò giảm 0,9 kg/người. Quy theo khối lượng khô, mức tiêu thụ các sản phẩm sữa dự kiến sẽ giảm 4% vào năm 2031. Tuy nhiên, lượng protein sẵn có từ các sản phẩm sữa dự kiến sẽ tăng, chủ yếu là do mức tiêu thụ pho mát tăng lên 1,3 kg/người mỗi năm. Tiêu thụ cá được dự đoán sẽ tăng 5% vào năm 2031 so với giai đoạn cơ sở. Do mức tiêu thụ ngũ cốc giảm trong thời gian dài, lượng protein sẵn có từ các nguồn thực vật sẽ giảm nhẹ, mặc dù mức tiêu thụ xung tăng 14% vào năm 2031.

Việc sử dụng thức ăn chăn nuôi trong khu vực là đáng kể, tiêu thụ nhiều năng lượng/calô hơn so với việc sử dụng thức ăn cuối cùng.

Sau khi thúc đẩy sản lượng chăn nuôi, tổng lượng thức ăn chăn nuôi sử dụng được dự đoán sẽ tăng 12% lên 304 triệu tấn vào năm 2031, với tỷ lệ sử dụng thức ăn từ bắp (bao gồm cả ngũ cốc sấy khô) tăng chậm theo thời gian lên 69%, trong khi bột protein giảm xuống 16%.

Sản xuất nhiên liệu sinh học là một thị trường quan trọng đối với các loại ngũ cốc làm thức ăn chăn nuôi trong khu vực. Sản xuất ethanol dự kiến sẽ tăng 5,9% lên gần 64 tỷ lít vào năm 2031, được hỗ trợ bởi các chương trình khử cacbon. Trong bối cảnh ngày càng chú trọng đến tính bền vững, sản xuất dầu diesel sinh học dự kiến sẽ tăng 4% trong thập kỷ tới. Triển vọng của nhiên liệu sinh học phụ thuộc rất nhiều vào sự phát triển của ngành năng lượng và các chính sách về nhiên liệu sinh học. Hoa Kỳ có thể phê duyệt việc sử dụng hỗn hợp ethanol 15% để sử dụng vào mùa hè năm 2022. Nếu được chấp thuận và đặc biệt nếu sự pha trộn đó được mở rộng, thì tác động đến thị trường toàn cầu có thể rất lớn.

Thương mại

Xuất khẩu và nhập khẩu đều có triển vọng tăng

Thặng dư thương mại nông nghiệp của Bắc Mỹ đã giảm 27% trong thập kỷ qua. Xu hướng này sẽ chiếm ưu thế trong giai đoạn triển vọng, với nhập khẩu ròng vào khu vực tăng nhanh hơn, ở mức 1,6%/năm, so với xuất khẩu (1,0%/năm). Cả tăng trưởng nhập khẩu và xuất khẩu đều sẽ giảm tốc, phản ánh nhu cầu nội địa và nước ngoài suy yếu, kéo theo đó là sự chậm lại trong tăng trưởng sản xuất. Quan hệ thương mại, đặc biệt là giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc, là một yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến khu vực, do khối lượng thương mại song phương đáng kể. Sau một thời kỳ sóng gió, những mối quan hệ này đã được cải thiện và vào năm 2021, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu nông sản hàng đầu của Hoa Kỳ. Điều này cho thấy các cơ hội thương mại được nối lại và có khả năng mở rộng, đồng thời phản ánh nhu cầu bổ sung đối với các sản phẩm thức ăn chăn nuôi từ Trung Quốc sau khi mở rộng sản xuất gia cầm và nhanh chóng xây dựng lại đàn lợn sau ASF. Hiệp định Hoa Kỳ-Mexico-Canada (USMCA), được triển khai vào ngày 01/7/2020 để thay thế Hiệp định Thương mại Tự do Bắc Mỹ (NAFTA), cũng đã ảnh hưởng đến thương mại nội khối, với lượng hàng xuất khẩu bổ sung đáng kể từ Hoa Kỳ sang cả Canada và Mexico vào năm 2021.

Giá trị xuất khẩu, được tính theo giá hàng hóa quốc tế trong năm 2014-2016, dự kiến sẽ tăng 12% vào năm 2031 so với giai đoạn cơ sở 2019-2021. Điều này so với mức tăng 20% trong thập kỷ qua. Tăng trưởng chậm hơn chủ yếu liên quan đến việc giảm xuất khẩu đậu tương (mặc dù đã cải thiện quan hệ thương mại với Trung Quốc), xuất khẩu ngô và ethanol.

Khu vực này đã mất thị phần thương mại đáng kể trong thời gian gần đây đối với bắp, lúa mì và đậu tương. Trong trường hợp bắp, xu hướng này dự kiến sẽ tiếp tục, mặc dù với tốc độ chậm hơn, do sự cạnh tranh ngày càng tăng từ Mỹ Latinh và khu vực Biển Đen trước chiến tranh. Thị phần của Bắc Mỹ trong xuất khẩu đậu tương toàn cầu sẽ ổn định trong nửa sau của triển vọng ở mức khoảng 37%. Thị phần của Bắc Mỹ trong thương mại ethanol toàn cầu dự kiến sẽ ổn định ở mức khoảng 50%, trong khi thị phần của khu vực này trong thương mại toàn cầu đối với cả thịt lợn và Sữa bột gầy sẽ tăng lên.

Mặc dù ghi nhận thặng dư thương mại nhưng khu vực này cũng là thị trường nhập khẩu nông sản lớn. Giá trị nhập khẩu ròng, được tính theo giá cố định 2014-2016, dự kiến sẽ tăng 20% vào năm 2031. Khu vực này trước đây là khu vực nhập khẩu ròng lớn thịt bò và trong khi vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong nhập khẩu thế giới (18%), xuất khẩu trong nước đã tăng đến mức trở thành nước xuất khẩu ròng trong thập kỷ qua.

Xu hướng này dự kiến sẽ tiếp tục, với tỷ trọng xuất khẩu thịt bò toàn cầu của khu vực dự kiến sẽ duy trì ở mức khoảng 18% vào năm 2031, trong khi tỷ trọng nhập khẩu toàn cầu của khu vực này tiếp tục giảm. Khu vực này vẫn là khu vực nhập khẩu cá tương đối lớn, với 15% thị phần toàn cầu và nhập khẩu sẽ tăng 11% vào năm 2031.

Khu vực này cũng là nơi nhập khẩu rau quả tươi lớn, và xu hướng này dự kiến sẽ tiếp diễn trong giai đoạn triển vọng.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN THỦY SẢN

* Xuất khẩu thủy sản tháng 2/2023 tăng 4%

Sau khi sụt giảm mạnh trong tháng 1 vì tháng đó có kỳ nghỉ Tết Dương lịch và Tết Nguyên đán, bước sang nửa đầu tháng 2/2023, XK thủy sản tăng 42% so với cùng kỳ. Ước tính tổng giá trị XK thủy sản trong tháng 2 đạt khoảng 662 triệu USD, tăng nhẹ 4% so với cùng kỳ năm 2022.

Xu hướng XK trong tháng 2/2023 có dấu hiệu khả quan hơn so với tháng trước, nhưng so với cùng kỳ với mức tăng khiêm tốn 4% chưa phản ánh xu hướng hồi phục vì năm 2022, Tết Nguyên đán diễn ra vào đầu tháng 2.

Lũy kế 2 tháng đầu năm, XK thủy sản đạt trên 1,1 tỷ USD, giảm 26% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó cá tra vẫn giảm sâu 38% đạt 240 triệu USD, tôm giảm 37% đạt 350 triệu USD, cá ngừ giảm 27% đạt 113 triệu USD. XK mực, bạch tuộc và các loại cá biển có xu hướng tích cực hơn với tăng trưởng 6% mỗi loại, đạt lần lượt 103 triệu USD và 273 triệu USD.

Sau khi mở cửa, XK sang Trung Quốc bắt đầu có tín hiệu tích cực. Trong tháng 2, giá trị XK thủy sản sang thị trường này tăng 33% lên 122 triệu USD. Lũy kế 2 tháng đầu năm, XK sang Trung Quốc đạt 158 triệu USD, giảm 7% so với cùng kỳ.

Thị trường Mỹ và EU vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục trong tháng 2, nên XK vẫn giảm lần lượt 35% và 8% so với cùng kỳ năm 2022. Tính đến cuối tháng 2/2023, XK thủy sản sang Mỹ đạt 164 triệu USD, giảm 53%, sang EU giảm 32% đạt 123 triệu USD.

XK thủy sản sang Hàn Quốc, các nước CPTPP và một số thị trường khác cũng có xu hướng khả quan hơn. Riêng Hàn Quốc tăng 26% NK thủy sản Việt Nam trong tháng 2, khối CPTPP tăng 14%. Tuy nhiên, do giảm mạnh trong tháng 1 nên kết quả 2 tháng đầu năm sang các thị trường này vẫn bị thấp hơn so với cùng kỳ.

Nhu cầu của các thị trường đang có xu hướng dần hồi phục, nhất là thị trường Trung Quốc và nhiều thị trường nhỏ khác. Nguồn nguyên liệu thủy sản (tôm, cá tra) cũng sẽ tăng trong tháng tiếp theo, do vậy XK trong tháng 3 và tháng 4 sẽ tăng dần trở lại so với những tháng đầu năm.

Xuất khẩu thủy sản, 2 tháng đầu năm 2023 (triệu USD)				
Sản phẩm	T2/2023 (ước)	Tăng, giảm (%)	T1-T2/2023 (ước)	Tăng, giảm (%)
Tôm các loại	208,703	-15%	350,130	-37%
Cá tra	156,157	-9%	239,807	-38%
Cá ngừ	62,466	-7%	112,832	-27%
Cá các loại khác	157,736	59%	273,192	6%
Mực, bạch tuộc	60,290	76%	103,106	6%
Nhuễn thể có vỏ	9,728	30%	18,375	-5%
Nhuễn thể khác	1,173	23%	1,261	18%
Cua ghẹ và giáp xác khác	6,516	-41%	19,713	-42%
Tổng	662,770	4%	1.118,417	-26%

* Thủy sản nuôi trồng – những tín hiệu tích cực

Theo Tổng cục Thống kê, từ chỗ là một nghề sản xuất phụ, mang tính chất tự cấp tự túc, nuôi trồng thủy sản đã trở thành một ngành sản xuất hàng hoá tập trung với trình độ kỹ thuật tiên tiến, phát triển ở tất cả các thủy vực nước ngọt, nước lợ, nước mặn theo hướng bền vững, bảo vệ môi trường, hàng hoá với các ngành kinh tế khác. Hiện nay, nuôi trồng thủy sản đang từng bước trở thành một trong những ngành sản xuất hàng hoá chủ lực, phát triển rộng khắp theo hướng đầu tư vào các loại thủy sản có giá trị cao, có khả năng xuất khẩu, mang lại hiệu quả cao. Nuôi trồng thủy sản phát huy được tiềm năng tự nhiên, nguồn vốn, sự năng động sáng tạo của doanh nghiệp và ngư dân, góp phần quan trọng trong chuyển dịch cơ cấu ngành nông nghiệp cũng như thực hiện xóa đói giảm nghèo ở các vùng miền của đất nước. Trong đó, người nuôi được khuyến khích nuôi tôm chất lượng cao và đầu tư kỹ thuật vào sản xuất, chuyển đổi ao hồ từ quảng canh cải tiến sang thâm canh, bán thâm canh, chọn giống ít nhiễm bệnh. Nuôi trồng thủy sản ngày càng phát triển khá trên mọi phương diện: diện tích nuôi được mở rộng, đối tượng nuôi và hình thức nuôi ngày một đa dạng. Việc áp dụng công nghệ cao vào nuôi thâm canh ngày càng được quan tâm và có những bước phát triển tốt, trình độ người nuôi được nâng cao, con giống được đảm bảo cả về số lượng và chất lượng. Hiện nay, các hộ nuôi trồng thủy sản tiếp tục thu hoạch sản phẩm nuôi trồng; cùng với đó, diện tích nuôi nước mặn, lợ được cải tạo, tu sửa, gia cố ao hồ để chuẩn bị cho vụ nuôi mới.

Sản lượng thủy sản tháng 02/2023 ước đạt 593,4 nghìn tấn, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng thủy sản nuôi trồng ước tính đạt 332,2 nghìn tấn, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Cá đạt 237,2 nghìn tấn, tăng 2,5%; tôm đạt 51,6 nghìn tấn, tăng 0,4%. Tính chung 2 tháng đầu năm, sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 665,9 nghìn tấn, tăng 2,8% so với cùng kỳ năm trước.

Trong hoạt động nuôi trồng thủy sản có đóng góp rất lớn của nuôi cá tra và nuôi tôm. Cá tra trong những tháng đầu năm có triển vọng khả quan nhờ những tín hiệu tích cực từ thị trường lớn là Trung Quốc. Việc Trung Quốc mở cửa hoàn toàn đã khai thông cho nhiều mặt hàng nông sản xuất khẩu của Việt Nam. Giá cá tra nguyên liệu tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long dao động từ 29.000-30.000 đồng/kg (kích cỡ 0,8-1,1 kg/con) tăng 1.000 đồng/kg so với tháng trước. Cá tra nguyên liệu đang có giá và tiếp tục xu hướng tăng. Sản lượng cá tra tháng 02/2023 ước tính đạt 113,6 nghìn tấn, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước; tính chung hai tháng đầu năm 2023 sản lượng cá tra đạt 223,8 nghìn tấn, tăng 3,1%.

Bên cạnh đó, nghề nuôi tôm cũng đang phát triển. Mặc dù thời gian nuôi dài hơn, thu hồi vốn lâu hơn so với nuôi tôm thẻ chân trắng nhưng do giá bán khá cao nên nuôi tôm sú vẫn được duy trì. Tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long, giá tôm sú loại 20 con/kg dao động trong khoảng 240.000-260.000 đồng/kg, trong khi đó giá tôm thẻ chân trắng nguyên liệu loại 100 con/kg dao động ở 85.000 – 90.000 đồng/kg. Ước tháng Hai, sản lượng tôm thẻ chân trắng ước đạt 31,4 nghìn tấn, giảm 0,3% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm sú ước đạt 15,7 nghìn tấn, tăng 1,3%. Tính chung hai tháng đầu năm 2023, sản lượng tôm thẻ chân trắng đạt 60,2 nghìn tấn, tăng 0,5% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng tôm sú đạt 31,3 nghìn tấn, tăng 0,3%.

Nuôi trồng thủy sản phát triển mạnh tại một số địa phương. Tại Nghệ An, tổng diện tích nuôi trồng thủy sản không sử dụng lồng bè, bể bồn tháng 02 năm 2023 ước đạt 3.653,8 ha, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: diện tích nuôi cá đạt 3.526 ha, tăng 2,2%; diện tích nuôi tôm 112,5 ha, tăng 10,5%. Sản xuất con giống trong tháng 02 năm 2023 ước đạt 232,3 triệu con, tăng 9,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó sản xuất giống tôm thẻ đạt 133,9 tấn, tăng 13,5%. Hiện tại, ươm nuôi giống thủy sản ở Nghệ An đã bước vào vụ mới, các cơ sở, doanh nghiệp tiến hành ươm giống theo kế hoạch đề ra. Số lượng con giống cơ bản đáp ứng được nhu cầu nuôi trên địa bàn và xuất bán các địa phương lân cận. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng 02/2023 ước đạt 5.412,4 tấn, tăng 7,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: sản lượng cá ước đạt 4.787,9 tấn, tăng 7,7%; sản lượng tôm ước đạt 84,2 tấn, tăng 6,3%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 540,3 tấn, tăng 3,3%.

Tại Quảng Nam, đến nay, các trại sản xuất và lưu giữ tôm giống trên địa bàn tỉnh đã đi vào hoạt động cung cấp đủ con giống, bảo đảm chất lượng cho người nuôi. Hiện các ngành chức năng giám sát chặt chẽ tình hình nuôi trồng thủy sản, hướng dẫn các địa phương, người nuôi chọn và thả giống thủy sản cùng với các điều kiện kỹ thuật khác để đảm bảo thả nuôi đúng lịch thời vụ, quản lý ao nuôi nhằm hạn chế dịch bệnh xảy ra. Giá tôm thẻ thương phẩm hiện đang ở mức cao (130.000 -140.000 đồng/kg,

loại tôm 100 con) nên đã khuyến khích người dân thả nuôi. Tôm nuôi trong ao đất vùng cao triều, vùng triều ven sông đã thả nuôi trên 640 ha, tăng 2,1% so với cùng kỳ năm trước. Diện tích nuôi cá đến nay gần 1,6 nghìn ha, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm trước với sản lượng cá nuôi đạt hơn 1,2 nghìn tấn, tăng 2,4%. Tính chung 02 tháng đầu năm, tổng sản lượng thủy nuôi trồng đạt gần 1,9 nghìn tấn, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước.

Hoạt động nuôi trồng, khai thác thủy sản tại Bình Định gắn với các biện pháp bảo vệ, phát triển nguồn lợi thủy sản được chú trọng; Sản lượng thủy sản tháng 02/2023 ước đạt 18,5 nghìn tấn, tăng 29,4% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 2 tháng đầu năm 2023 ước đạt 34,7 nghìn tấn, tăng 2,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 68,4 tấn, tăng 0,3%.

Sản lượng nuôi trồng thủy sản của Bình Thuận trong tháng 2/2023 ước đạt 879 tấn, tăng 1,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 02 tháng đầu năm 2023, sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 1.745 tấn, tăng 1,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó cá đạt 1.035 tấn, tăng 2%; tôm nuôi nước lợ đạt 695 tấn, tăng 1,5%.

Tại Bà Rịa-Vũng Tàu, nuôi trồng thủy sản chủ yếu là nuôi quảng canh với sản lượng ước tháng 02/2023 ước đạt 1.707 tấn, tăng 4,6% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó sản lượng cá ước đạt 427,5 tấn, tăng 5,4%; sản lượng tôm ước đạt 615 tấn, tăng 5,8%; sản lượng thủy sản khác ước đạt 664,4 tấn, tăng 3% so với cùng kỳ năm trước.



Tại Bến Tre nuôi trồng tôm khá phát triển do môi trường nuôi thuận lợi nên người nuôi mạnh dạn thả giống. Diện tích thả nuôi tôm sú trong tháng 02/2023 ước đạt khoảng 1.310 ha, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước; tôm thẻ chân trắng đạt 1.720 ha, tăng 4,4%. Sản lượng tôm sú thu hoạch trong tháng 02/2023 ước đạt 209 tấn, tăng 4,5% so với cùng kỳ năm trước; tôm thẻ chân trắng đạt 9.820 tấn, tăng 6,2%. Tính chung 2 tháng đầu năm, sản lượng tôm sú ước đạt 359 tấn, tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước; tôm thẻ chân trắng đạt 16 nghìn tấn, tăng 6,4%. Sản lượng cá thu hoạch ước đạt 10,2 nghìn tấn, tăng 7,6% so với cùng kỳ năm trước; tính chung 2 tháng đầu năm 2023 đạt 20 nghìn tấn, tăng 5,9%.

Tại Cà Mau tình hình nuôi trồng thủy sản tương đối ổn định, các huyện đã thu hoạch xong lúa trên đất nuôi tôm và tranh thủ tập trung cải tạo để thả giống kịp thời vụ. Sản lượng nuôi trồng thủy sản tháng 02 năm 2023 ước đạt 33 nghìn tấn, tăng 4,8% so với cùng kỳ năm trước; trong đó tôm đạt 18,5 nghìn tấn, tăng 5,7%. Tính chung 02 tháng đầu năm 2023, sản lượng thủy sản nuôi trồng ước đạt 65,5 nghìn tấn, tăng 3,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó tôm đạt 36,7 nghìn tấn, tăng 1,9%.

Sản lượng nuôi trồng thủy sản tại nhiều địa phương tăng cao là do người dân áp dụng công nghệ mới hiệu quả, thận trọng trong việc chọn giống tôm để dịch bệnh được kiểm soát tốt hơn. Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng thâm canh và bán thâm canh đang phát triển tích cực, mang lại hiệu quả kinh tế cao như mô hình nuôi tôm quảng canh, quảng canh cải tiến... Đặc biệt, sản lượng tôm thẻ chân trắng được chuyển đổi từ mô hình nuôi thâm canh sang mô hình nuôi siêu thâm canh. Hơn nữa do thời tiết những tháng đầu năm 2023 thuận lợi, môi trường thích hợp cho các loại tôm sú quảng canh, tôm đất, tôm bạc phát triển. Giá tôm sú, tôm thẻ nguyên liệu và giá tôm xuất khẩu ổn định đã khuyến khích người dân mạnh dạn đầu tư vào mô hình nuôi tôm siêu thâm canh, nhờ đó đem lại sản lượng tăng so với cùng kỳ năm trước.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN CHĂN NUÔI

* Tổng quan thị trường thịt thế giới và trong nước tháng 2/2023

+ Thị trường thế giới

Trong tháng 2/2023, giá heo nạc tại Chicago, Hoa Kỳ biến động mạnh, giá tăng lên mức cao nhất tháng ở mức 88,97 UScent/lb vào ngày 21/2/2023, sau đó giảm trở lại. Ngày 28/2/2023, giá heo nạc tại Chicago, Hoa Kỳ giao kỳ hạn gần dao động ở mức 84,85 UScent/lb, giảm 1,5% so với cuối tháng 1/2023 và giảm 21,1% so với cùng kỳ năm 2022.

Đầu năm 2023, ngành chăn nuôi heo toàn cầu vẫn đối mặt với hàng loạt bất ổn khi sự chậm lại của nhiều nền kinh tế lớn gây áp lực lên nhu cầu, làm gia tăng sự không chắc chắn và biến động. Giá thịt heo trên thế giới giảm nhẹ do nguồn cung lợn sẵn sàng cho giết mổ dồi dào, đặc biệt là ở Bra-xin và Hoa Kỳ, trong khi nhập khẩu thịt của Trung Quốc trong dịp Tết Nguyên đán thấp hơn dự kiến.

Trung Quốc: Giá heo có thể sang đầu quý III/2023 mới có thể cải thiện

Tại Trung Quốc, giá thịt heo cũng có xu hướng giảm vào cuối tháng 2/2023. Mức tiêu thụ thịt heo của Trung Quốc vẫn giảm và quá trình trở lại trạng thái bình thường có thể mất tới 6 tháng. Trong khi đó, sản lượng thịt heo tại Trung Quốc năm 2022 đã tăng lên mức cao nhất kể từ năm 2014, do giá tăng trong mùa hè đã khuyến khích nông dân vỗ béo heo nhiều hơn bình thường. Tuy nhiên, trong tháng 1/2023, Bộ Nông nghiệp Trung Quốc kêu gọi nông dân giảm sản lượng thịt heo dư thừa.

Ngày 06/2/2023, Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia Trung Quốc (NDRC) đã đưa ra cảnh báo sớm về giá thịt heo trong nước khi tỷ lệ giá giữa thịt heo và lương thực trên toàn quốc là 4,96 cán mốc báo động cấp cao nhất về tình trạng giảm giá quá mức mà nước này đề ra. Mặc dù nhu cầu được dự báo sẽ tăng trở lại vào cuối quý I/2023 do chính sách mở cửa của Trung Quốc, nhưng giá heo có thể sang đầu quý III/2023 mới có thể cải thiện khi nền kinh tế tăng tốc trở lại.

Ngày 17/2/2023, NDRC thông báo nước này sẽ bổ sung dự trữ 20.000 tấn thịt heo đông lạnh do chỉ số giám sát giá loại thực phẩm chủ lực này đã giảm xuống dưới mức cảnh báo. Theo NDRC chỉ số về giá thịt heo trung bình so với giá ngũ cốc ở Trung Quốc hiện thấp hơn cả mức cảnh báo. Theo kế hoạch bình ổn thị trường thịt heo, Trung Quốc áp dụng hệ thống cảnh báo sớm gồm 3 cấp độ về diễn biến của giá thịt heo. NDRC sẽ làm việc với các cơ quan liên quan để triển khai đợt bổ sung lượng thịt heo dự trữ quốc gia đầu tiên trong năm nay và hướng dẫn các chính quyền địa phương thu mua thịt heo. Chính phủ

Trung Quốc rất lưu tâm đến những biến động về giá trên thị trường thịt heo và sẽ tiếp tục tăng cường điều tiết năng lực sản xuất cùng giá cả để giữ ổn định thị trường.

Theo báo cáo mới nhất của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, năm 2023, dự báo nhập khẩu thịt bò và thịt heo của Trung Quốc được điều chỉnh tăng và cao hơn so với năm 2022. Tuy nhiên, nhập khẩu thịt gà được dự báo thấp hơn. Việc điều chỉnh tăng dự báo nhập khẩu thịt đỏ của Trung Quốc một phần xuất phát từ ước tính cho năm 2022 cao hơn do các lô hàng trong quý IV/2022 mạnh hơn dự kiến. Trong năm 2023, nhập khẩu thịt bò của Trung Quốc dự kiến sẽ tăng, nhưng tốc độ vận chuyển sẽ chậm lại do các nhà nhập khẩu có sản phẩm được bảo quản lạnh cần đưa vào thị trường trước khi họ đầu tư mua thêm.

Trong khi, nhập khẩu thịt gà của Trung Quốc được điều chỉnh thấp hơn mức trước đại dịch. Giá thịt heo giảm dự kiến sẽ làm giảm nhu cầu của người tiêu dùng đối với thịt gà. Tuy nhiên, thịt gà nhập khẩu chỉ chiếm khoảng 4% lượng tiêu thụ.

Theo báo cáo mới nhất về thị trường thịt heo của Rabobank, thương mại thịt heo toàn cầu dự báo tăng nhẹ trong năm 2023 và việc Trung Quốc mở cửa nền kinh tế trở lại vừa mở ra nhiều cơ hội, vừa mang tới nhiều biến động. Trong đó, thịt heo vẫn đối mặt với một số áp lực tiêu thụ do thu nhập hộ gia đình giảm, tiết kiệm tăng và khả năng suy yếu tiêu thụ trong một số kênh bán hàng. Thương mại dự báo tăng nhẹ trong quý I/2023, nhưng có thể gặp khó khăn trong duy trì tăng trưởng trong suốt năm, xét tới sản xuất chậm tại một số khu vực xuất khẩu lớn như EU và Hoa Kỳ.

Theo Rabobank, Bra-xin có tăng trưởng xuất khẩu thịt heo tích cực trong năm 2022 và dự báo sẽ tăng cả sản xuất và xuất khẩu thịt heo trong năm 2023. Đồng thời, Rabobank dự báo sản xuất nội địa tăng trưởng và phục hồi mạnh hơn tại các nước Đông Nam Á và Trung Quốc, nghĩa là nhu cầu nhập khẩu của khu vực này sẽ yếu đi, đặc biệt trong nửa cuối năm 2023. Việc mở cửa trở lại thị trường thịt heo lớn nhất thế giới – Trung Quốc sẽ tác động lên cân đối cung cầu thịt thế giới.

+ Thị trường trong nước

Trong tháng 2/2023, giá heo hơi tại các tỉnh, thành phố trên cả nước vẫn khá trầm lắng, giá dao động trong khoảng 48.000-53.000 đồng/kg, giảm từ 1.000-3.000 đồng/kg so với cuối tháng 1/2023.

Tại khu vực miền Bắc, hiện giá heo hơi ở hầu hết các tỉnh, thành phố dao động trong khoảng 48.000- 50.000 đồng/kg, giảm từ 1.000- 3.000 đồng/kg so với cuối tháng 1/2023.

Tại khu vực miền Trung Tây Nguyên và miền Nam hiện giá heo hơi dao động trong khoảng 48.000-53.000 đồng/kg, giảm từ 1.000-3.000 đồng/kg so với cuối tháng 1/2023.

Theo dự báo, chăn nuôi heo trong năm 2023 sẽ tiếp tục gặp khó khăn. Các doanh nghiệp chăn nuôi lớn cho rằng, phải đến đầu quý II/2023, nền kinh tế mới phục hồi dần và tăng tốc trở lại từ quý III/2023. Khi đó, hoạt động của các doanh nghiệp đi vào ổn định, việc làm và thu nhập của người lao động mới được cải thiện trở lại giúp sức tiêu thụ tăng lên. Trong khi đó, Việt Nam đã có vắc-xin dịch tả heo châu Phi nên rủi ro dịch bệnh trong chăn nuôi cũng giảm đi. Ngoài ra, giá nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi thế giới đang có xu hướng giảm, nhưng do giá thức ăn trong nước có độ trễ hơn giá nguyên liệu nên phải đến đầu quý II/2023, giá thức ăn chăn nuôi trong nước mới có khả năng giảm dần so với hiện tại.

Theo thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, hiện tổng đàn heo cả nước khoảng 28,6 triệu con, sản lượng ước đạt 3,23 triệu tấn thịt heo. Năm 2023, toàn ngành chăn nuôi phấn đấu tổng sản lượng thịt hơi các loại đạt khoảng 7-7,5 triệu tấn, tăng từ 5 – 5,5% so với năm 2022; Sản lượng thịt heo hơi đạt trên 4,5 triệu tấn, tăng 4%; Sản lượng thịt gia cầm đạt khoảng 2,1 triệu tấn, tăng 4,8% so với năm 2022.

Về xuất khẩu

Theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam, tháng 1/2023, Việt Nam xuất khẩu được 1,76 nghìn tấn thịt và sản phẩm thịt, trị giá 7,59 triệu USD, giảm 23,3% về lượng và giảm 33,2% về trị giá so với tháng 12/2022; Tuy nhiên so với tháng 1/2022 tăng 26,5% về lượng và tăng 9,6% về trị giá.

Tháng 1/2023, thịt và các sản phẩm thịt của Việt Nam được xuất khẩu sang 15 thị trường. Trong đó, xuất khẩu sang thị trường Hồng Kông là nhiều nhất, chiếm 41,39% về lượng và chiếm 60,17% về trị giá xuất khẩu thịt và các sản phẩm thịt của cả nước với 728 tấn, trị giá 4,57 triệu USD, giảm 20% về lượng và giảm 20,7% về trị giá so với tháng 12/2022; Tuy nhiên so với tháng 1/2022 tăng 4% về lượng, nhưng giảm 3,5% về trị giá. Thịt và các sản phẩm thịt của Việt Nam được xuất khẩu sang thị trường Hồng Kông chủ yếu là thịt heo, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh...

Tháng 1/2023, thịt và các sản phẩm từ thịt của Việt Nam xuất khẩu chủ yếu là các chủng loại như: Thịt heo, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh; Thịt khác và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ của động vật khác tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh; Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ, của gia cầm thuộc nhóm 01.05 tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh; Thịt trâu, bò tươi đông lạnh... Trong đó, thịt heo tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh được xuất khẩu nhiều nhất với 975 tấn, trị giá 5,19 triệu USD, giảm 4,9% về lượng và giảm 13,7% về trị giá so với tháng 12/2022; so với tháng 1/2022 giảm 1,1% về lượng và giảm 6,6% về trị giá;

giá xuất khẩu bình quân đạt 5.327 USD/ tấn, giảm 9,2% so với tháng 12/2022 và giảm 5,5% so với tháng 1/2022. Thịt heo, tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh được xuất khẩu sang các thị trường Hồng Kông, Pa-pu-a Niu Ghi-nê, Lào và Thái Lan.

Về nhập khẩu

Tháng 1/2023, Việt Nam nhập khẩu 35,44 nghìn tấn thịt và các sản phẩm từ thịt, trị giá 74,13 triệu USD, giảm 45,7% về lượng và giảm 45,4% về trị giá so với tháng 12/2022; So với tháng 1/2022 giảm 34% về lượng và giảm 35% về trị giá.

Trong tháng 1/2023, Việt Nam nhập khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt từ 29 thị trường trên thế giới. Trong đó, Hoa Kỳ là thị trường cung cấp thịt và các sản phẩm từ thịt lớn nhất cho Việt Nam. Tháng 1/2023, nhập khẩu thịt và các sản phẩm từ thịt từ Hoa Kỳ đạt 7,95 nghìn tấn, trị giá 16,86 triệu USD, giảm 50,9% về lượng và giảm 29,4% về trị giá so với tháng 12/2022; Tuy nhiên so với tháng 1/2022 tăng 52,1% về lượng và tăng 103,6% về trị giá, chiếm 22,45% tổng lượng thịt và các sản phẩm từ thịt nhập khẩu của Việt Nam trong tháng 1/2023.

Tháng 1/2023, giá nhập khẩu bình quân thịt và các sản phẩm từ thịt về Việt Nam đạt mức 2.092 USD/tấn, tăng 0,5% so với tháng 12/2022, nhưng giảm 1,6% so với tháng 1/2022.

Trong tháng 1/2023, Việt Nam nhập khẩu chủ yếu là các chủng loại như: Thịt và phụ phẩm ăn được sau giết mổ, của gia cầm thuộc nhóm 01.05 tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh; Phụ phẩm ăn được sau giết mổ của heo, trâu, bò sống ướp lạnh hoặc đông lạnh; Thịt trâu tươi đông lạnh; Thịt heo tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh; Thịt bò tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh... Trong đó, nhập khẩu thịt gia cầm, thịt heo, thịt bò có xu hướng giảm; trong khi nhập khẩu thịt trâu tăng so tháng 1/2022.

Trong tháng 1/2023, Việt Nam nhập khẩu 4,91 nghìn tấn thịt heo tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh, trị giá 11,57 triệu USD, giảm 65,2% về lượng và giảm 66,5% về trị giá so với tháng 12/2022; so với tháng 1/2022 giảm 54,1% về lượng và giảm 50,9% về trị giá; giá nhập khẩu trung bình đạt 2.354 USD/tấn, giảm 3,5% so với tháng 12/2022, nhưng tăng 6,9% so với tháng 1/2022. Tháng 1/2023, Việt Nam nhập khẩu thịt heo tươi ướp lạnh hoặc đông lạnh từ 15 thị trường, trong đó chủ yếu được nhập khẩu từ Nga chiếm 34,82%; Bra-xin chiếm 23,49% và Đức chiếm 21,52% tổng lượng thịt heo nhập khẩu của Việt Nam trong tháng 1/2023 và lượng thịt heo nhập khẩu từ các thị trường này đều giảm so với cùng kỳ năm 2022.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN LÚA GẠO

* Tổng quan thị trường lúa gạo

Giá lúa giảm

Trong tuần qua (tuần kết thúc ngày 10/3), giá lúa các loại ở khu vực Đồng bằng sông Cửu Long có sự sụt giảm ở nhiều địa phương. Nguyên nhân do nguồn cung tăng, nhiều địa phương bước vào cao điểm thu hoạch lúa Đông Xuân.

Số liệu từ Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn cho thấy, giá lúa tại Sóc Trăng như sau: Đài thơm 8 là 7.900 đồng/kg, giảm 100 đồng/kg; OM 5451 là 7.700 đồng/kg, giảm 200 đồng/kg. Tương tự giá lúa ST 24 cũng giảm 200 đồng/kg còn 8.300 đồng/kg.

Tại Cần Thơ, giá lúa vẫn giữ ổn định như Jasmine là 7.600 đồng/kg, OM 4218 là 6.600 đồng/kg; IR 50404 ở mức 6.200 đồng/kg.

Giá lúa tại Tiền Giang một số loại như: IR 50404 là 6.900 đồng/kg, giảm 100 đồng/kg; Jasmine là 7.300 đồng/kg, giảm 100 đồng/kg; lúa OC10 ổn định ở mức 6.800 đồng/kg,

Tại Kiên Giang giá lúa vẫn ổn định như: IR 50404 là 6.500 đồng/kg; OM 5451 là 6.700 đồng/kg; Jasmine là 7.000 đồng/kg.

Tại Hậu Giang một vài loại lúa có sự giảm giá 100 đồng/kg như lúa IR 50404 còn 7.000 đồng/kg; OM 18 là 7.400 đồng/kg.

Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh An Giang, nhiều loại lúa tại địa phương có sự giảm giá mạnh, hiện lúa OM 18 đang được thương lái thu mua tại ruộng với mức từ 6.300 - 6.500 đồng/kg, giảm 300 đồng/kg. Mức tương tự cũng diễn ra với nhiều loại khác như OM 5451 còn từ 6.200 - 6.300 đồng/kg; Đài thơm 8 từ 6.300 - 6.500 đồng/kg. Giảm mạnh hơn từ 350 - 400 đồng/kg còn với lúa Nàng hoa 9 còn từ 6.100 - 6.300 đồng/kg; IR 50404 còn từ 5.950 - 6.150 đồng/kg.

Tuy nhiên với nếp lại tăng từ 100 - 200 đồng/kg như: nếp An Giang có giá từ 5.700 - 6.200 đồng/kg; nếp Long An từ 6.700 - 7.000 đồng/kg, giảm 100 đồng/kg.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, ở Nam Bộ, lúa Đông Xuân 2022 - 2023 đã thu hoạch gần 470.000 ha (chiếm 31% diện tích gieo trồng). Diện tích lúa đang giai đoạn chín hiện đang có trên 750.000 ha, chiếm khoảng 50% diện tích gieo trồng.

Về xuất khẩu, giá gạo 5% tấm được giao dịch ở mức từ 440 - 445 USD/tấn, không đổi so với tuần trước. Các nhà giao dịch cho biết vụ thu hoạch Đông Xuân tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long đang đạt đỉnh điểm, giúp tăng nguồn cung trong nước, song điều này không ảnh hưởng nhiều đến giá do nhu cầu dự kiến sẽ mạnh.

Theo dữ liệu hải quan, Việt Nam đã xuất khẩu 534.607 tấn gạo trong tháng 2/2023.

Trong khi đó, trên thị trường gạo châu Á, giá gạo xuất khẩu của Ấn Độ nói rộng đã giảm trong tuần qua do nhu cầu từ các nước nhập khẩu chính giảm.

Giá gạo đồ 5% tấm của Ấn Độ được chào bán ở mức từ 385 - 390 USD/tấn trong tuần qua so với mức 390 - 395 USD/tấn trong tuần trước đó. Giá loại gạo này đã giảm từ khoảng 400 USD/tấn ghi nhận trong tuần kết thúc ngày 23/2, mức cao nhất kể từ tháng 3/2021.

Himanshu Agarwal, giám đốc điều hành tại Satyam Balajee, nhà xuất khẩu gạo hàng đầu của Ấn Độ, cho biết giá gạo xuất khẩu và giá cước vận tải tăng gần đây đã ảnh hưởng đến nhu cầu.

Trong tháng 2/2023, hai nguồn tin chính phủ cho biết Ấn Độ không có kế hoạch dỡ bỏ lệnh cấm xuất khẩu gạo tằm và cắt giảm 20% thuế đối với gạo trắng xuất khẩu do nước xuất khẩu gạo lớn nhất thế giới này đang cố gắng kiềm chế giá trong nước.

Trong khi đó, giá gạo 5% tằm của Thái Lan được chào bán ở mức 460 USD/tấn, so với mức 450 - 460 USD/tấn ghi nhận trong tuần trước đó. Một nhà giao dịch tại Bangkok cho hay giá gạo vẫn ở mức này bởi cung và cầu không có nhiều thay đổi. Cần phải đợi vụ thu hoạch mới.

Trong khi giá gạo trong nước của Bangladesh vẫn tăng bất chấp nỗ lực hạ giá mặt hàng lương thực này.

Chính phủ Bangladesh đã cho phép các thương nhân tư nhân nhập khẩu gạo, đồng thời mua gạo từ các nước xuất khẩu chính như Việt Nam, Ấn Độ và Myanmar.

Thị trường xuất khẩu gạo 2 tháng đầu năm 2023

Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, trong tháng 2/2023 cả nước xuất khẩu 534.607 tấn gạo, tương đương 286,17 triệu USD, giá trung bình 535,3 USD/tấn, tăng 48,8% về lượng và tăng 53,4% về kim ngạch, và tăng 3,1% về giá so với tháng 1/2023; so với tháng 2/2022 cũng tăng 14% về lượng, tăng 28% kim ngạch và tăng 14,4% về giá.

Theo nhận định của Bộ Công Thương, Trung Quốc mở cửa thị trường trở lại là tín hiệu tích cực cho các doanh nghiệp xuất khẩu gạo trong năm 2023. Tuy nhiên, thị trường xuất khẩu gạo vẫn còn những khó khăn tiềm ẩn liên quan đến giá cước vận tải biển cao, giá cả đầu vào sản xuất lúa gạo cao cũng như tình hình xung đột ở một số khu vực trên thế giới tác động đến giá các mặt hàng lương thực khác.

Trong tháng 2/2023 xuất khẩu gạo sang thị trường chủ đạo Philippines tăng mạnh trên 111,4% về lượng và tăng 117,7% kim ngạch so với tháng 1/2023, đạt 273.331 tấn, tương đương 140,49 triệu USD; và cũng giảm 10,4% về lượng, tăng 0,25% kim ngạch, tăng 11,9% về giá so với tháng 2/2022. Xuất khẩu gạo sang thị trường Trung Quốc tháng 2/2023 cũng tăng rất mạnh 121,8% về lượng và tăng 117% kim ngạch so với tháng 1/2023, đạt 105.196 tấn, tương đương 61,61 triệu USD; so với tháng 2/2022 cũng tăng 134,4% về lượng, tăng 182,2% kim ngạch.

Tính chung cả 2 tháng đầu năm 2023 lượng gạo xuất khẩu của cả nước đạt trên 893.256 tấn, tương đương gần 472,43 triệu USD, giảm 8,3% về khối lượng, nhưng tăng nhẹ 0,7% về kim ngạch so với 2 tháng đầu năm 2022, giá trung bình đạt 528,9 USD/tấn, tăng 9,8%.

Philippines vẫn đứng đầu về tiêu thụ gạo của Việt Nam, chiếm 45% trong tổng lượng và chiếm 43,3% trong tổng kim ngạch gạo xuất khẩu của cả nước, đạt 401.975 tấn, tương đương 204,69 triệu USD, giá trung bình 509,2 USD/tấn, giảm 25,5% về lượng, giảm 18,2% về kim ngạch nhưng tăng 9,7% về giá so với 2 tháng đầu năm 2022.

Tiếp sau đó là thị trường Trung Quốc chiếm 17% trong tổng lượng và chiếm 19% trong tổng kim ngạch, đạt 152.640 tấn, tương đương 90,01 triệu USD, giá trung bình 589,7 USD/tấn, tăng mạnh 86,4% về lượng và tăng 120,5% kim ngạch; giá tăng 18,3% so với cùng kỳ năm 2022.

Thị trường Indonesia đứng thứ 3 đạt 143.786 tấn, tương đương 67,31 triệu USD, giá 468 USD/tấn, tăng mạnh 33.732% về lượng và tăng 30.355% kim ngạch nhưng giảm 10% về giá so với cùng kỳ năm 2022, chiếm 16% trong tổng lượng và chiếm 14,3% trong tổng kim ngạch xuất khẩu gạo của cả nước.

Xuất khẩu sang các thị trường FTA RCEP đạt 737.657 tấn, tương đương 384,44 triệu USD, tăng 6,9% về lượng, tăng 18% kim ngạch. Xuất khẩu sang các thị trường FTA CPTTP đạt 41.596 tấn, tương đương 23,5 triệu USD, giảm 39,6% về lượng và giảm 31,9% kim ngạch.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP

* Tổng quan thị trường phân bón và dự báo

Trong tháng 2/2023, giá phân bón thế giới nhìn chung ổn định ở mức thấp do nhu cầu yếu. Tại thị trường trong nước, giá phân bón các loại tháng 2/2023 đều có xu hướng giảm mạnh so với cùng kỳ năm ngoái bởi tiêu thụ chậm và nguồn cung dồi dào. Dự báo trong thời gian tới, giá phân bón sẽ tiếp tục duy trì ở mức thấp do nhu cầu không có nhiều đột biến trong khi cung ứng được đảm bảo.

Thị trường thế giới:

Trong tháng 2/2023, thị trường phân bón thế giới khá trầm lắng do nhu cầu thấp, giá phân bón giao dịch ở mức thấp. Giá một số chủng loại phân bón như sau:

+ Tại Brazil, giá Urea hạt trong ổn định so với tháng trước, ở mức 725,1 USD/tấn (CFR), nhưng đã giảm 5,2% so với cùng kỳ năm trước; tại Yuzhny là 505,1 USD/tấn (FOB); tại Baltic là 525,3 USD/tấn; tại Trung Quốc là 405,5 USD/tấn.

+ Tương tự, tại Vịnh Mỹ, giá Urea hạt đục là 561 USD/tấn (CFR); tại Ai Cập là 663,1 USD/tấn; tại Vịnh Ả Rập là 661,4 USD/tấn; tại Iran là 555,2 USD/tấn.

+ Thị trường DAP khá ổn định, giá DAP tại Trung Quốc là 650,1 USD/tấn; tại Tampa ổn định ở mức 643,1 USD/tấn; Vịnh Mỹ là 641,1 USD/tấn; tại Baltic là 651,6 USD/tấn.

Giá phân bón trên thị trường thế giới tháng 2/2023

Chủng loại	Thị trường	Tháng 2/2023	So với T1/2023 (%)	So với cùng kỳ năm 2022 (%)
Urea hạt trong	Yuzhny (FOB)	505,1	0	-10,6
	Baltic	525,3	0	-10,4
	Brazil (CFR)	725,1	0	-5,2
	Trung Quốc	405,5	0	-6,4
Urea hạt đục	Ai Cập	663,1	0	-6,0
	Vịnh Ả Rập	661,4	0	-3,4
	Iran	555,2	0	-8,2
	Vịnh Mỹ (CFR)	561	0	-8,8
DAP	Baltic	651,6	0	7,7
	Trung Quốc	650,1	0	5,7
	Vịnh Mỹ	641,1	0	6,6
	Tampa	643,1	0	6,9
Kali	Vancouver	585,1	0	13,1
	Israel	612,4	0	16,9
	Tây Âu	611,5	0	13,7
	Đông Nam Á	551,2	0	0,6

Thị trường trong nước:

- Diễn biến giá

Thị trường phân bón tháng 2/2023 khá trầm lắng, giao dịch cầm chừng do nhu cầu tiêu thụ chậm. Cùng với đó, do giá phân bón thị trường thế giới hạ nhiệt nên giá phân bón đã giảm khá mạnh so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể, giá một số chủng loại phân bón như sau:

+ Tại các tỉnh phía Bắc, giá Urea Phú Mỹ ổn định so với tháng trước nhưng giảm 23,6% so với cùng kỳ năm 2022, xuống còn 12.600 đ/kg, Giá Urea TQ ổn định so với tháng trước nhưng giảm 20,9% xuống

còn 12.500 đ/kg; riêng giá Lâm Lào Cai tăng 7,9%, lên 4.100 đ/kg.

+ Tương tự, tại Đà Nẵng, giá Urea Phú Mỹ ổn định so với tháng trước nhưng đã giảm 24,1% so với cùng kỳ năm 2022, xuống còn 12.600 đ/kg, Giá Urea TQ ổn định so với tháng trước nhưng giảm 21,4% xuống còn 12.500 đ/kg; riêng giá Lâm Lào Cai tăng 5,1%, lên 4.100 đ/kg.

+ Tại Tiền Giang, giá Urea Phú Mỹ ổn định so với tháng trước nhưng giảm 23,6% so với cùng kỳ năm 2022, xuống còn 12.600 đ/kg, Giá Urea TQ ổn định so với tháng trước nhưng giảm 20,9% xuống còn 12.500 đ/kg; riêng giá Lâm Lào Cai tăng 5%, lên 4.200 đ/kg.

Giá bán lẻ trung bình một số chủng loại phân bón tại các địa phương trong tháng 2/2023

(Đvt: đồng/kg)

Thị trường	Chủng loại	Tháng 2/2023	So với cùng kỳ năm 2022 (%)
Hà Nội	Urea TQ	12.500	-20,9
	Urea Phú Mỹ	12.600	-23,6
	Lâm Lào Cai	4.100	7,9
Đà Nẵng	Urea TQ	12.500	-21,4
	Urea Phú Mỹ	12.600	-24,1
	Lâm Lào Cai	4.100	5,1
Qui Nhơn	Urea TQ	12.500	-21,4
	Urea Phú Mỹ	12.600	-24,1
	Lâm Lào Cai	4.100	5,1
TP. Hồ Chí Minh	Urea TQ	12.400	-21,5
	Urea Phú Mỹ	12.500	-24,2
	Lâm Lào Cai	4.200	5,0
Tiền Giang	Urea TQ	12.500	-20,9
	Urea Phú Mỹ	12.600	-23,6
	Lâm Lào Cai	4.200	5,0

- Tình hình xuất, nhập khẩu

+ Xuất khẩu:

Nửa đầu tháng 2/2023, lượng phân bón xuất khẩu đạt 56,2 nghìn tấn, kim ngạch đạt 29,3 triệu USD; Lũy kế từ đầu năm đến 15/2/2023 xuất khẩu phân bón đạt 183,4 nghìn tấn, kim ngạch đạt 93,2 triệu USD.

Trước đó, theo số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan, xuất khẩu phân bón tháng 1 năm 2023 đạt 127,2 nghìn tấn với kim ngạch đạt 63,9 triệu USD, giảm 3,8% về lượng và giảm 1,7% về kim ngạch so với tháng trước và giảm 43,3% về lượng và giảm 62,5% về kim ngạch so với cùng kỳ năm trước.

Về thị trường, trong tháng đầu năm 2023, lượng phân bón xuất khẩu sang thị trường Campuchia lớn nhất, chiếm 26,1% trong tổng khối lượng và chiếm 25,7% trong tổng kim ngạch xuất khẩu phân bón của cả nước, đạt 33,3 nghìn tấn, kim ngạch gần 16,4 triệu USD, giảm 25,2% về lượng và giảm 28,2% về kim ngạch so với tháng trước và giảm 6,5% về lượng và giảm 4,2% về kim ngạch so với cùng kỳ năm trước.

Tiếp đến là xuất khẩu sang thị trường Philippines đạt 2,9 nghìn tấn, kim ngạch đạt 2,1 triệu USD, giảm 51,6% về lượng và giảm 58,2% về kim ngạch so với tháng trước và giảm 58,3% về lượng và giảm 62,6% về kim ngạch so với cùng kỳ năm trước, chiếm 2,3% trong tổng khối lượng và chiếm 3,3% trong tổng kim ngạch xuất khẩu phân bón của cả nước.

Thứ ba là xuất khẩu sang thị trường Malaysia đạt 6,1 nghìn tấn, kim ngạch đạt 1,74 triệu USD, tăng 19,5% về lượng và tăng 5,3% so với tháng trước nhưng giảm 28,5% về lượng và giảm 62,5% về kim ngạch so với cùng kỳ năm trước, chiếm 4,8% trong tổng khối lượng và chiếm 2,7% trong tổng kim ngạch.

+ Nhập khẩu:

Nửa đầu tháng 2/2023, nhập khẩu phân bón các loại đạt 95,7 nghìn tấn, kim ngạch đạt 31,5 triệu USD; Lũy kế từ đầu năm đến 15/2/2023 nhập khẩu phân bón các loại đạt 235,1 triệu tấn, kim ngạch đạt 88,6 triệu USD, giảm 49% về lượng và giảm 59,5% về kim ngạch so với cùng kỳ năm 2022.

Trước đó, trong tháng 1/2023 nhập khẩu phân bón các loại tiếp tục tăng, đạt 139,4 nghìn tấn, kim ngạch đạt 57 triệu USD, giảm 52% về lượng và giảm 63,2% về kim ngạch so với tháng trước, giảm 57,1% về lượng và giảm 63% về kim ngạch so với cùng kỳ năm trước.

Chủng loại phân bón nhập khẩu nửa đầu tháng 2/2023

Chủng loại	Nửa đầu tháng 2/2023		Lũy kế đến hết 15T2/2023		So với cùng kỳ năm 2022	
	Lượng (Tấn)	Kim ngạch (Nghìn USD)	Lượng (Tấn)	Kim ngạch (Nghìn USD)	Lượng (%)	Kim ngạch (%)
Phân bón các loại:	95.748	31.494	235.110	88.571	-49,0	-59,5
Phân SA	40.282	7.638	78.166	15.055	-41,6	-69,8
Phân Kali	5.035	2.388	25.036	12.992	-83,9	-86,0
Phân Urea	5.771	2.740	21.363	10.211	117,0	59,7
Phân NPK	1.929	1.392	14.918	10.098	-54,9	-50,1

Về giá nhập khẩu, nửa đầu tháng 2/2023, giá hầu hết các chủng loại phân bón nhập khẩu giảm so với cùng kỳ tháng trước.

Cụ thể, giá Kali giảm 12,6%, xuống còn 474,3 USD/tấn; giá SA giảm 5,2%, xuống còn 189,6 USD/tấn; giá Urea giảm 0,8%, xuống còn 474,7 USD/tấn; giá NPK giảm 5,2%, xuống còn 721,7 USD/tấn; giá DAP giảm 12,4%, xuống còn 701 USD/tấn.

Giá một số chủng loại phân bón nhập khẩu nửa đầu T2/2023

Chủng loại	Đơn giá TB (USD/Tấn)	Đơn giá TB cùng kỳ tháng trước (USD/Tấn)	So với cùng kỳ tháng trước (%)
Phân Urea	474,7	478,6	-0,8
Phân NPK	721,7	761,3	-5,2
Phân DAP	701	800,0	-12,4
Phân SA	189,6	199,9	-5,2
Phân Kali	474,3	542,5	-12,6

Về thị trường, trong tháng đầu năm 2023, Trung Quốc là nguồn cung phân bón lớn nhất của Việt Nam, chiếm 50% tổng lượng phân bón nhập khẩu. Cụ thể nước ta nhập khẩu 70,3 nghìn tấn, kim ngạch đạt 25,8 triệu USD, giảm 44,1% về lượng và giảm 59,4% về kim ngạch so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước giảm 48,9% về lượng và giảm 55,2% về kim ngạch.

Tiếp theo sau là nhập khẩu từ thị trường Lào đạt 10,6 nghìn tấn, kim ngạch 4,8 triệu USD, giảm 31% về lượng và giảm 35,3% về kim ngạch so với tháng trước; so với cùng kỳ năm trước tăng 25,2% về lượng và tăng 11,6% về kim ngạch.

Thứ ba là nhập khẩu từ thị trường Malaysia đạt 8,6 nghìn tấn, kim ngạch 4,3 triệu USD, ổn định so với tháng trước nhưng so với cùng kỳ năm trước tăng 69,5% về lượng và tăng 7,6% về kim ngạch.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN XÚC TIẾN THƯƠNG MẠI*** Tích cực đưa nông sản Đồng bằng sông Cửu Long vào hệ thống siêu thị Central Retail**

Mới đây, Tập đoàn Central Retail đã thực hiện ký kết các hợp đồng thương mại, thỏa thuận hợp tác kết nối với doanh nghiệp, hợp tác xã khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

Cụ thể, đại diện Tập đoàn Central Retail đã trực tiếp ký kết 1 hợp đồng thương mại chính thức với Công ty Cổ phần VinaGreen (Vĩnh Long) để đưa các loại trái cây đặc sản như bưởi hồng da xanh, bưởi năm roi vào tiêu thụ tại hệ thống bán lẻ của Central Retail; đồng thời, Central Retail cũng ký kết thêm 6 thỏa thuận hợp tác (MOU) với các doanh nghiệp, hợp tác xã của vùng Đồng bằng sông Cửu Long như: Hợp tác xã Trái cây sinh học OCOP (Hậu Giang), Hợp tác xã Vĩnh Kim (Tiền Giang), Hợp tác xã chôm chôm Bình Hòa Phước (Vĩnh Long), Hợp tác xã Rau Củ Quả Tân Bình (Vĩnh Long), Hợp tác xã nông sản hữu cơ Samaki (Sóc Trăng), Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Lộc Tài (Long An).

Đây là cơ sở để Central Retail đẩy mạnh việc tiêu thụ cũng như quảng bá thương hiệu cho các loại trái cây, nông sản từ các tỉnh, thành vùng Đồng bằng sông Cửu Long thông qua chuỗi siêu thị GO!, Big C, Tops Market của Central Retail trên toàn quốc.

Theo bà Nguyễn Thị Bích Vân - Giám đốc Truyền thông Tập đoàn Central Retail -, với thế mạnh ở mảng bán lẻ thực phẩm, thời gian qua, Central Retail luôn đồng hành cùng người nông dân và các hợp tác xã trong việc đẩy mạnh tiêu thụ, quảng bá thương hiệu cho các mặt hàng trái cây, nông sản các loại ở nhiều tỉnh, thành trên cả nước.

Tiêu biểu có thể kể tới như: Phối hợp tổ chức “Tuần lễ Xoài và nông sản an toàn tỉnh Sơn La tại siêu thị Big C Thăng Long năm 2022”; Lễ hội Nhân lồng Hưng Yên năm 2022; các chương trình quảng bá, xúc tiến tiêu thụ trái vải thiều của tỉnh Bắc Giang; quảng bá thương hiệu cho Bưởi Phúc Trạch của tỉnh Hà Tĩnh...

Dự kiến, tháng 6/2023 tới đây, Central Retail sẽ phối hợp với UBND tỉnh Tiền Giang tổ chức sự kiện thường niên “Tôn vinh trái cây nhiệt đới - Dịp mừng 5/5”, qua đó đẩy mạnh hơn nữa quảng bá thương hiệu, xúc tiến thương mại cho các loại trái cây đặc sản của Tiền Giang, vùng Đồng bằng sông Cửu Long cũng như sản phẩm trái cây Việt Nam nói chung.

Đồng bằng sông Cửu Long hiện là vùng sản xuất lương thực, thực phẩm, thủy hải sản và trái cây lớn nhất của cả nước; đóng góp khoảng 95% lượng gạo, gần 65% lượng thủy sản nuôi trồng và gần 70% các loại trái cây xuất khẩu. Sinh kế của đa số người dân trong vùng phần lớn gắn bó mật thiết với khu vườn, mảnh ruộng, dòng sông quanh nhà và hiệu quả mang lại từ sản xuất nông nghiệp.

Tuy vậy không phải lúc nào những sản phẩm nông nghiệp của các địa phương trong vùng cũng được tiêu thụ thuận lợi. Điển hình là vào tháng 2 vừa qua, trái cam sành của người nông dân tại tỉnh Vĩnh Long khi vào rộ vụ thu hoạch bị rớt giá.

Chính vì vậy, thời gian qua, thông qua các hội nghị kết nối, chương trình hợp tác giữa các địa phương trong vùng với các tỉnh, thành phố như TP. Hồ Chí Minh và một số tỉnh, thành ở khu vực phía Bắc, rất nhiều hợp đồng thương mại, thỏa thuận hợp tác đã được nhà bán lẻ và doanh nghiệp ký kết với nhau.

Thông qua những hoạt động ký kết như vậy, các loại nông sản trong vùng như xoài, rau củ, sầu riêng, chôm chôm... đã được nhà bán lẻ cam kết tiêu thụ. Điều đặc biệt, nhà bán lẻ không chỉ đảm bảo đầu ra cho doanh nghiệp, hợp tác xã trong vùng mà còn hướng dẫn người nông dân tham gia sản xuất theo thị hiếu của người tiêu dùng, từ đó giúp hàng nông sản tăng sức cạnh tranh và có chỗ đứng.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

* Các giải pháp tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng thị trường xuất khẩu

Tại Hội nghị triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Chỉ thị số 15 của Ban Bí thư về công tác ngoại giao kinh tế và những trọng tâm ngoại giao kinh tế năm 2023, diễn ra mới đây, Bộ trưởng Bộ Công Thương Nguyễn Hồng Diên đã đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm nhằm mục đích tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng thị trường xuất khẩu. Các giải pháp cụ thể như sau:

Một là, tiếp tục quán triệt sâu sắc các quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước về công tác đối ngoại để nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của ngoại giao kinh tế; từ đó đổi mới và nâng cao chất lượng công tác thể chế về hội nhập kinh tế quốc tế, bảo đảm phù hợp với các cam kết của Việt Nam với các đối tác và thông lệ quốc tế; đồng thời, chú trọng rà soát, đánh giá thường kỳ việc thực hiện các nghị quyết, chiến lược, đề án... về hội nhập kinh tế quốc tế, làm cơ sở đề xuất cơ chế, chính sách và giải pháp tăng cường hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế thời gian tới.

Hai là, đẩy mạnh triển khai có hiệu quả các cam kết quốc tế, bao gồm các cam kết trong khuôn khổ các FTA mà Việt Nam đã tham gia, bảo đảm sự phát triển bền vững, trong đó tập trung triển khai chương trình hành động thực thi các FTA thế hệ mới (như CPTPP, EVFTA, UKVFTA, RCEP...). Chú trọng thúc đẩy các quan hệ kinh tế đối ngoại theo chiều sâu, nhất là quan hệ kinh tế với các đối tác lớn và có tiềm năng nhằm tạo đòn bẩy cho phát triển kinh tế, thương mại trong nước; đồng thời, tiếp tục triển khai đàm phán, ký kết các liên kết kinh tế mới, các cơ chế hợp tác song phương và đa phương với các nước, các khu vực còn tiềm năng gắn với lợi ích quốc gia - dân tộc.

Ba là, tiếp tục phát huy, nâng cao vai trò của các cơ quan thương vụ Việt Nam ở nước ngoài trong công tác nắm bắt, thông tin, phản ánh kịp thời những biến động của kinh tế thế giới và các chủ trương, chính sách mới của các nước sở tại, giúp các cơ quan nhà nước có những phản ứng chính sách kịp thời, hiệu quả, bảo đảm cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, góp phần định hướng sản xuất trong nước, giúp các doanh nghiệp xây dựng, điều chỉnh chiến lược và kế hoạch sản xuất, kinh doanh phù hợp với tiêu chí, tiêu chuẩn, điều kiện của các thị trường ngoài nước để mở rộng, đa dạng hóa thị trường, chuỗi cung ứng và mặt hàng xuất nhập khẩu; đồng thời, thúc đẩy kết nối thu hút đầu tư nước ngoài, nhất là đầu tư công nghệ cao, công nghệ lõi vào Việt Nam.

Bốn là, tăng cường định hướng, hỗ trợ các địa phương, doanh nghiệp chuyển đổi phương thức sản xuất theo tín hiệu thị trường, tạo nguồn hàng, xây dựng thương hiệu đáp ứng yêu cầu xuất khẩu chính ngạch gắn với xây dựng thương hiệu để thúc đẩy xuất khẩu bền vững; đồng thời, có cơ chế chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp trong nước đầu tư ra nước ngoài để tiếp cận công nghệ tiên tiến, tiếp thu kinh nghiệm quản lý và đưa lao động Việt Nam làm việc ở nước ngoài nhằm thay đổi tầm nhìn và kỹ năng lao động, từ đó giúp cho các doanh nghiệp và người lao động Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

Năm là, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo thuận lợi hoá thương mại; tập trung tháo gỡ "rào cản" kỹ thuật để doanh nghiệp thâm nhập các thị trường mới, thị trường lân cận còn tiềm năng; đồng thời, tập trung thúc đẩy ở mức cao nhất chương trình chuyển đổi số trong các hoạt động xúc tiến thương mại, kết nối cung cầu, xây dựng và phát triển thương hiệu hàng Việt ở các thị trường ngoài nước. Đẩy mạnh phát triển dịch vụ logistic, thương mại điện tử, đặc biệt là thương mại xuyên biên giới, tạo điều kiện thuận lợi cho mở rộng thị trường, thúc đẩy xuất khẩu;

Đồng thời, Bộ Công Thương cũng sẽ chú trọng nâng cao năng lực công tác phòng vệ thương mại, cảnh báo sớm nguy cơ các vụ kiện, tranh chấp thương mại, bảo vệ lợi ích chính đáng của doanh nghiệp Việt trong thương mại quốc tế.

Đến nay, bên cạnh việc tham gia thực thi 15 Hiệp định thương mại tự do (FTA) với độ phủ rộng hơn 60 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó có những thị trường lớn nhất thế giới, Việt Nam cũng đang đẩy mạnh đàm phán FTA với Hiệp hội mậu dịch tự do châu Âu (EFTA, bao gồm 4 nước: Thụy Sĩ, Na Uy, Ai-len, Lích-ten-xtên) và FTA với I-xra-en (VIFTA). Ngoài ra, Việt Nam cũng là một trong 14 nước tham gia đàm phán về Khuôn khổ Kinh tế Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương vì thịnh vượng (IPEF). Đặc biệt, Việt Nam đã trở thành một trong những nước đi đầu khu vực trong việc hình thành các khuôn khổ hợp tác kinh tế đa phương. Do vậy, Bộ trưởng tin rằng trong thời gian tới, Việt Nam sẽ còn nhiều dư địa để tăng cường hội nhập kinh tế quốc tế, mở rộng thị trường xuất khẩu hơn nữa.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN GIAO THƯƠNG*** Nhận cung cấp giống sầu riêng RI 6**

Trung tâm giống cây trồng - Học viện Nông nghiệp Việt Nam - nhận cung cấp giống cây sầu riêng RI 6.

+ *Thông tin sản phẩm:*

- Tên phổ thông : Sầu riêng Ri 6

- Tên khoa học : Durio Zibethinus

- Họ thực vật : Cẩm quỳ – Malvaceae

- Nguồn gốc xuất xứ : Malaysia

- Phân bố ở Việt Nam : phổ biến ở miền Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.

- Đặc điểm sinh lý, sinh thái:

Tốc độ sinh trưởng nhanh

Phù hợp với khí hậu nóng, độ ẩm không khí cao. Lượng mưa 2000mm/năm và không mưa khi trái chín già. Có thể sinh trưởng, phát triển trên nhiều loại đất, nhưng tốt nhất là đất thịt, thoát nước tốt, gần nguồn nước tưới. Thụ phấn nhờ dơi và bướm đêm. Không nên trồng bằng hạt mà nên trồng bằng ghép mắt hoặc ghép cành.

Sầu Riêng Ri 6 là loại cây ăn quả nhiệt đới được ưa chuộng và rất có giá trị. Ngoài ăn tươi, Sầu Riêng Ri 6 còn có thể chế biến được bánh kẹo, tăng mùi vị cho nhiều loại kem, nước giải khát...

+ *Thông tin liên hệ:*

Trung tâm giống cây trồng - Học viện Nông nghiệp Việt Nam

Địa chỉ: Thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia Lâm, Hà Nội

Điện thoại: 0962.894.442

*** Cần mua nguyên liệu thức ăn chăn nuôi**

Cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi tại địa bàn phía nam đang có nhu cầu thu mua các loại nguyên liệu đầu vào với số lượng lớn.

+ *Yêu cầu:*

Nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi như mì lát, bã mì, bã đậu các loại, cám gạo, bắp, bột cá, bột xương....

+ *Thông tin liên hệ:*

Người liên hệ: Nam

ĐT: 0949.212.279

Email: hoangnam0401@gmail.com

*** Cần mua sản lát số lượng lớn**

Công ty Cổ phần VNComex cần tìm đối tác cung cấp sản lát với số lượng lớn để xuất khẩu sang thị trường Trung Quốc.

+ *Yêu cầu:*

Số lượng: 200.000 tấn/tháng

Độ ẩm: 14%

Tinh bột: 67%

Độ xơ: 5%

Silica: 3%

+ *Thông tin liên hệ:*

Công ty cổ phần VNComex

Địa chỉ: số 67 Khúc Thừa Dụ - Cầu Giấy - Hà Nội

ĐT: 02466889665

Email: contact.vncomex@gmail.com

*** Nhận cung cấp men đường ruột Lactobacillus Acidophilus cho vật nuôi**

Công ty TNHH Kiên Lược ABC có địa chỉ tại TP.HCM nhận cung cấp sản phẩm men vi sinh đường ruột Lactobacillus Acidophilus cho vật nuôi.

+ *Thông tin sản phẩm:*

BIO LB - Vi sinh đường ruột đơn dòng

Thành phần:

Lactobacillus acidophilus 1×10^9 cfu/g

Công dụng

- Bổ sung các vi sinh vật có lợi giúp cải thiện đường ruột tôm
- Tăng cường khả năng tiêu hóa và hấp thu thức ăn, giúp tôm phát triển tốt
- Tăng trọng nhanh, màu sắc tôm đẹp
- Hỗ trợ điều trị phân trắng, ngăn ngừa các bệnh đường ruột

Cách dùng

Dùng 3 - 5 g/kg thức ăn

Quy cách: 25 kg/ thùng

Xuất xứ: Ấn Độ

+ *Thông tin liên hệ:*

Công ty TNHH Kiên Lược ABC

Địa chỉ: số 22/1k ấp Trung Đông, Thới Tam Thôn, Hóc Môn, TP.HCM

ĐT/Zalo: 0949.002.045

Website: kienluocabc.com

Email: thoakienluoc@gmail.com

*** Nhận cung cấp các mặt hàng nông sản sấy khô**

Doanh nghiệp kinh doanh hàng thực phẩm tại Đồng Nai nhận cung cấp các mặt hàng nông sản sấy khô với số lượng lớn và giá cả ưu đãi.

+ *Thông tin sản phẩm:*

- Các loại nông sản sấy khô như tiêu đen, củ gừng, củ nghệ, củ hành tím, hành lá, sả, cà rốt, bí đỏ, nghệ thái lát, bột nghệ, nấm mèo, khoai lang, khoai môn.... đáp ứng cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Đặc biệt là các loại thượng hạng, chất lượng cho những khách hàng có nhu cầu cao và thị trường xuất khẩu khó tính.

- Sản phẩm sạch, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, chất lượng cao. Đạt tiêu chuẩn Iso.

+ *Thông tin liên hệ:*

Công ty TNHH Thực Phẩm Việt Khánh

Địa Chỉ: TP. Long Khánh, Tỉnh Đồng Nai.

Người liên hệ: Gia

ĐT: 0934.576.487

*** Cung cấp bắp ủ chua kotinochi**

Cơ sở kinh doanh vật tư nông nghiệp tại địa bàn phía nam nhận cung cấp mặt hàng bắp ủ chua kotinochi theo số lượng lớn với giá cả ưu đãi.

+ *Thông tin sản phẩm:*

Bắp ủ chua được làm từ thân cây, lá cây của cây bắp là được ủ lên men 30-40 ngày. Sau khi bắp đã được lên men sẽ đem đi xuất khẩu cho các nông trại để làm thức ăn cho gia súc, cho các doanh trại về đàn bò,...

+ *Thông tin liên hệ:*

Người liên hệ: Hoàng Lina

Địa chỉ: Tân Hưng, Quận 7, TP.HCM

ĐT: 0966.832.251

Email: sales01@kotinochi.com

*** Bán vỏ đậu xanh và đậu xanh hạt số lượng lớn**

Cơ sở kinh doanh các mặt hàng nông sản tại TP.HCM nhận cung cấp vỏ đậu xanh và đậu xanh hạt số lượng lớn.

+ *Thông tin sản phẩm:*

- Vỏ đậu xanh, hạt đậu xanh, đậu xanh tróc vỏ với số lượng lớn.

- Hàm lượng vỏ đậu xanh như sau: đậm tổng là 7,84%, xơ thô: 29,83%, công dụng dùng để làm thức ăn chăn nuôi cho bò, heo và gà.

- Hàm lượng đậu xanh tróc vỏ như sau đậm tổng là 25,03%, xơ thô là 4,18%, công dụng dùng để trộn thức ăn chăn nuôi cho gia súc.

- Hạt đậu xanh có kích thước sau như 3,6mm, 3,8mm và 4,2mm, công dụng để làm giá hay làm thực phẩm.

+ *Thông tin liên hệ:*

Người liên hệ: Hằng

Địa chỉ: Phạm Thế Hiển, phường 7, Quận 8, TP. HCM

ĐT: 0937.392.133

Email: thuyhangtrandam@gmail.com

*** Cung cấp cám dừa trắng, cám dừa nâu dùng cho thức ăn chăn nuôi**

Công Ty Xuất Nhập Khẩu Đức Phúc nhận cung cấp Cám dừa trắng và Cám dừa nâu (dạng bánh vụn) để làm thức ăn chăn nuôi với số lượng lớn.

+ *Thông tin sản phẩm:*

**** Cám dừa trắng**

(Ép ra từ cơm dừa)

Xuất xứ: Bến Tre, Việt Nam

Dạng: Bánh nhỏ

Bao bì: bao PP 25 Kg

Số lượng tối thiểu: 20 Tấn/ Lần

Năng suất hàng tháng: 200 - 300 Tấn

Chất lượng:

- Độ ẩm: 12 % max

- Độ đậm: 9,75%

- Độ béo: 11%

Kho hàng: Bến Tre.

**** Cám dừa nâu.**

(Ép ra từ vỏ dừa)

Xuất xứ: Bến Tre, Việt Nam

Dạng: Bánh nhỏ

Bao bì: bao PP 25 Kg

Số lượng tối thiểu: 20 Tấn/ Lần

Năng suất hàng tháng: 50 Tấn

Chất lượng:

- Độ ẩm: 12 % max

- Độ đậm: 17,4 %

- Độ béo: 9,8 %

Kho hàng: Bến Tre.

+ *Thông tin liên hệ:*

Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Đức Phúc

Địa chỉ: Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

ĐT/ Zalo: 0773906903

Email: phatdt58@gmail.com

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN CẢNH GIÁC

* Người trồng bưởi da xanh thất thu nặng

Nhiều năm liền bưởi rớt giá, không có lãi, nhiều nhà vườn tại Bến Tre – được mệnh danh là thủ phủ bưởi da xanh – đang đối diện với tình trạng thua lỗ, thất thu nặng nề.

Theo một số nhà vườn, mỗi ha bưởi tốn chi phí đầu tư ban đầu khoảng 100 triệu đồng. Từ khi trồng cây đến lúc thu hoạch mất gần 5 năm. Khoảng 5-7 năm trước, thời điểm bưởi da xanh có giá 40.000-50.000 đồng một kg, đa số người trồng bưởi lãi lớn.

Tuy nhiên trong hai năm gần đây, bưởi da xanh liên tục rớt giá, thương lái mua "xô" (thu mua hết các kích cỡ lớn, nhỏ) tại vườn dao động 15.000-20.000 đồng/kg.

Nhằm tận dụng diện tích đất canh tác và giảm bớt gánh nặng chi phí, nhiều nhà vườn trồng bưởi da xanh đã tính đến việc xen kẽ cây dứa xiêm xanh. Các nông hộ cho hay cây dứa xiêm sau 3 năm sẽ thu hoạch, lại chịu được hạn mặn, ít tốn công chăm sóc, nên nếu cây bưởi còn rớt giá kéo dài, nông dân chắc sẽ bỏ bưởi để trồng dứa.

Bến Tre hiện có khoảng gần 10.000 ha bưởi da xanh, chiếm hơn 30% diện tích bưởi ở miền Tây (32.000 ha), hàng năm cho gần 200.000 tấn trái, tập trung chủ yếu ở huyện Châu Thành, hơn 3.300 ha.

Ông Võ Văn Nam, Chi cục trưởng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bến Tre, thông tin ngoài tiêu thụ nội địa, cây bưởi da xanh toàn tỉnh hiện có 16 vùng trồng xuất khẩu đi châu Âu, Mỹ, Trung Quốc gần 30 mã số với diện tích gần 370 ha, tập trung chủ yếu tại huyện Châu Thành.

Theo ông Nam, dù cuối tháng 11 năm trước, tỉnh này là địa phương đầu tiên xuất lô bưởi da xanh đi Mỹ, hơn 100 tấn. Tuy nhiên, ông cho biết phần lớn diện tích bưởi xuất khẩu hiện nay chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ.

Kể từ sau đợt dịch, do thị trường tiêu thụ lớn là Trung Quốc vẫn chưa mở cửa, bưởi cũng như nhiều nông sản khác vì vậy rớt giá kéo dài.

Do thời gian bưởi giảm giá khá lâu, cộng với tình trạng hạn mặn xâm nhập sâu, bất thường những năm gần đây, nhiều người dân đã hết "mặn mà" với cây bưởi; chuyển sang trồng các loại cây khác như dứa, có khả năng thích nghi cao hơn với hạn mặn. Hiện nay, ngành nông nghiệp đang tập trung hướng dẫn, đào tạo nông dân sản xuất theo hướng hữu cơ để đáp ứng yêu cầu của các thị trường lớn như Mỹ, EU.

UBND tỉnh Bến Tre cho hay, sau gần 6 năm đăng ký xuất khẩu bưởi sang Mỹ, các cơ quan liên quan của Việt Nam và Mỹ đã tích cực đàm phán, trao đổi kỹ thuật, nhất là vấn đề liên quan đến kiểm dịch thực vật, đến nay Mỹ chính thức nhập khẩu trái bưởi tươi của Việt Nam.

Hiện trong 7 sản phẩm cây ăn trái của Việt Nam được xuất sang thị trường Mỹ thì Bến Tre có 3 sản phẩm là bưởi, nhãn và chôm chôm. Hiện Tỉnh đã hướng dẫn, hỗ trợ người dân chăm sóc vườn bưởi theo tiêu chuẩn an toàn, chất lượng. Nhất là chú trọng đến các đối tượng kiểm dịch thực vật phía Mỹ quan tâm, xây dựng các vùng trồng, tổ chức sơ chế, đóng gói sau thu hoạch bảo đảm đúng quy định.

Trong khi đó, theo Chi cục trưởng Trồng trọt và Bảo vệ thực vật, thời gian qua, việc thu mua xuất khẩu bưởi da xanh đi các thị trường khó tính như Mỹ dù là thành công bước đầu, vẫn còn nhiều việc phải làm. Hiện tiêu chuẩn xuất bưởi phải đạt trọng lượng từ 1,2 kg đến 1,8 kg mỗi trái.

Tuy nhiên, do tỷ lệ thu mua xuất khẩu chiếm tỷ lệ còn thấp, người dân sẽ gặp khó khăn với lượng bưởi không đạt chuẩn còn lại. Trong khi đó, các thương lái thu mua bưởi xô bán nội địa chỉ cần tiêu chuẩn bưởi 0,5 kg trở lên.

Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre đang soạn lại mẫu hợp đồng giữa doanh nghiệp và các hợp tác xã trong liên kết chuỗi mua bán hàng xuất khẩu làm cơ sở pháp lý khi có các vấn đề phát sinh về sau. Về lâu dài, mục tiêu là xác định rõ quyền lợi và trách nhiệm của nông dân lẫn doanh nghiệp.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN AN TOÀN THỰC PHẨM

* Thu hồi nấm kim châm có xuất xứ từ Đài Loan do nhiễm khuẩn *Listeria*

Mới đây, Tập đoàn Jan Fruits (California) đã đưa ra thông báo thu hồi tất cả nấm kim châm Enoki nhập khẩu từ Đài Loan (Trung Quốc) do có khả năng nhiễm vi khuẩn *Listeria monocytogenes*.

Các sản phẩm nấm kim châm Enoki nhập khẩu từ Đài Loan (Trung Quốc) được đóng gói trong các túi nhựa 200g có mã vạch 851084008358 kèm với mô tả "là loại nấm tự nhiên chất lượng tốt nhất Đài Loan được sản xuất bởi Hợp tác xã sản xuất nấm huyện Changhua, Đài Loan".

Theo thông báo được Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) đăng tải, sản phẩm Nấm Enoki bị thu hồi đã được phân phối ở California cho các nhà phân phối hoặc nhà bán buôn nhỏ tại địa phương để phân phối thêm cho các cửa hàng bán lẻ ở California và Hawaii.

Kể từ khi thông báo thu hồi, cơ quan chức năng chưa ghi nhận bất kỳ báo cáo nào liên quan đến việc sử dụng loại nấm này. Ngoài ra, việc phân phối sản phẩm cũng bị đình chỉ.

Tuy nhiên, FDA và Bộ Y tế Công cộng California cho biết người tiêu dùng nên trả lại sản phẩm cho nhà bán lẻ để được hoàn lại tiền đầy đủ.

Được biết, thực phẩm bị nhiễm vi khuẩn *Listeria monocytogenes* không có dấu hiệu bị hỏng hay có mùi nhưng vẫn có thể gây nhiễm trùng nghiêm trọng và gây nguy hiểm đến tính mạng. Bất kỳ ai đã sử dụng và xuất hiện các triệu chứng nhiễm *Listeria* nên tới trung tâm y tế để được chữa trị kịp thời.

Ngoài ra, người tiêu dùng đã sử dụng sản phẩm này nên tự theo dõi các triệu chứng trong những tuần sau đó vì có thể mất tới 70 ngày sau khi tiếp xúc với *Listeria* thì các triệu chứng của bệnh listeriosis mới phát triển.

Các triệu chứng nhiễm *Listeria* có thể bao gồm nôn mửa, buồn nôn, sốt dai dẳng, đau cơ, nhức đầu dữ dội và cứng cổ.

Phụ nữ mang thai, người già, trẻ nhỏ và những bệnh nhân ung thư có hệ thống miễn dịch suy yếu đặc biệt có nguy cơ mắc các bệnh nghiêm trọng, đe dọa tính mạng và gây ra các biến chứng khác. Mặc dù phụ nữ mang thai bị nhiễm bệnh có thể chỉ gặp các triệu chứng như cúm nhẹ nhưng nhiễm trùng do vi khuẩn có thể dẫn đến sinh non, nhiễm trùng cho trẻ sơ sinh hoặc thậm chí thai chết lưu.

Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh (CDC) cho biết việc nấu chín nấm có thể tiêu diệt vi khuẩn *Listeria*. Tuy nhiên, Tiến sĩ James. E. Rogers, Giám đốc Nghiên cứu và Thử nghiệm An toàn Thực phẩm cho biết nó vẫn có nguy cơ về an toàn thực phẩm. Nguyên nhân là không phải ai cũng nấu chín đúng cách để loại bỏ/tiêu diệt mầm bệnh và luôn có mối lo ngại về lây nhiễm chéo trong quá trình chuẩn bị.

Trong năm 2020, CDC đã điều tra đợt bùng phát *Listeria* đầu tiên được biết đến ở Hoa Kỳ có liên quan đến nấm kim châm. Đợt bùng phát này đã dẫn đến ba vụ thu hồi nấm enoki được nhập khẩu từ Hàn Quốc. Kể từ đó, Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) và các quan chức y tế công cộng từ một số bang đã thu thập các mẫu nấm kim châm và tìm thấy *Listeria* trong nhiều mẫu, dẫn đến hơn 20 vụ thu hồi nấm kim châm.

Được biết, kể từ 20/1/2023, CDC đã ghi nhận ba trường hợp mắc bệnh và ba trường hợp nhập viện liên quan đến đợt bùng phát *Listeria* có liên quan đến sản phẩm nấm Erokki của Utopia Foods. Cuộc điều tra về nấm Enoki bị ô nhiễm vẫn đang tiếp tục và có thể tìm thấy thông tin cập nhật trên trang web của CDC.

Đặc biệt, hai loại nấm này cũng được bày bán tại chợ dân sinh trên thị trường Việt Nam, vì vậy, người tiêu dùng cần hết sức thận trọng khi lựa chọn mua nấm kim châm. Cần đọc kỹ ngày sản xuất, cũng như kiểm tra sản phẩm kỹ lưỡng trước khi sử dụng.

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

Giá cả trong tỉnh

T T	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 13/3/2023	Giá cả TT Ngày 20/3/2023	T T	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 13/3/2023	Giá cả TT Ngày 20/3/2023
I	Thực phẩm tiêu dùng			9	Dưa leo	15.000	15.000
1	Cá điêu hồng	55.000	55.000	10	Khoai cao	35.000	28.000
2	Cá lóc nuôi	55.000	55.000	11	Nấm rơm	75.000	75.000 - 80.000
3	Cá kèo nuôi	180.000	180.000	12	Bắp cải trắng	14.000	16.000
4	Cá rô phi	45.000	45.000	13	Đậu que	18.000	22.000
5	Cá trê nuôi	35.000	35.000	14	Đậu đũa	12.000	16.000
6	Cá tra (cá hú)	65.000	60.000	15	Cà tím	16.000	20.000
7	Cá tra thịt trắng	50.000	45.000	16	Bí đao	14.000	14.000
8	Lươn loại 1	185.000	185.000	17	Bí rợ (bí đỏ)	14.000	14.000
9	Ếch nuôi	65.000	70.000	18	Ớt	35.000	35.000
10	Tôm càng xanh	245.000	245.000	19	Gừng	14.000	12.000
11	Mực ống loại lớn	190.000	190.000	20	Đậu bắp	16.000	18.000
12	Thịt heo đùi	110.000	110.000	21	Khô qua	18.000	18.000
13	Thịt heo nạc	115.000	115.000	22	Bầu	10.000	10.000
14	Thịt heo ba rọi	120.000	120.000	23	Cà chua	22.000	22.000
15	Thịt bò đùi	240.000	240.000	III	Trái cây		
16	Thịt bò phi lê (thăn)	250.000	250.000	1	Quýt đường	55.000	55.000
17	Vịt làm sẵn (nguyên con)	85.000 - 90.000	85.000 - 90.000	2	Bưởi năm roi	50.000	50.000
18	Thịt gà ta (nguyên con)	130.000	130.000	3	Xoài cát Hòa Lộc	55.000	75.000
19	Trứng gà ta	3.600	3.600	4	Xoài cát chu	30.000	30.000
20	Trứng gà công nghiệp	3.200	2.600	5	Táo Mỹ	90.000	90.000
21	Trứng vịt	3.000	2.700	6	Táo xanh	110.000	110.000
II	Rau củ quả			7	Dưa hấu	15.000	15.000
1	Cải xanh	14.000	10.000	8	Sapo	40.000	40.000
2	Cải ngọt	12.000	10.000	9	Cam mật	10.000	10.000
3	Cải thìa	10.000	10.000	10	Cam sành	10.000	12.000
4	Rau muống	16.000	12.000	11	Thanh Long	35.000	35.000
5	Rau mồng tơi	14.000	16.000	12	Chôm chôm nhãn	35.000	35.000
6	Cải xà lách	12.000	12.000	13	Mãng cầu xiêm	40.000	40.000
7	Hành lá	28.000	26.000	14	Mãng cầu ta	55.000	70.000
8	Củ kiệu	32.000	32.000	15	Ổi	15.000	15.000

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

GIÁ CẢ THỊ TRƯỜNG

Giá cả khu vực đồng bằng sông Cửu Long

TT	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 27/02/2023	Giá cả TT Ngày 06/3/2023	TT	Tên sản phẩm	Giá cả TT Ngày 27/02/2023	Giá cả TT Ngày 06/3/2023
I	Thực phẩm tiêu dùng			31	Cà tàu	30.000	30.000
1	Cà ngọt	25.000	25.000	32	Kiêu	35.000	30.000
2	Cà xanh	26.000	26.000	33	Bầu	20.000	15.000
3	Củ cà trắng	20.000	20.000	34	Mướp	20.000	16.000
4	Rau muống	20.000	20.000	II	Trái cây		
5	Cà xoong	50.000	50.000	1	Cam sành	10.000	10.000
6	Rau dền	20.000	20.000	2	Cam mật	15.000	10.000
7	Mồng tơi	17.000	17.000	3	Quýt đường	50.000	60.000
8	Bông bí	30.000	30.000	4	Bưởi năm roi	50.000	50.000
9	Xà lách	20.000	20.000	5	Bưởi da xanh	55.000	55.000
10	Su su	25.000	25.000	6	Xoài cát Chu	30.000	30.000
11	Bắp non	40.000	40.000	7	Xoài cát Hoà Lộc	55.000	75.000
12	Cà rốt	24.000	24.000	8	Xoài Đài Loan	15.000	22.000
13	Khoai tây	25.000	25.000	9	Chôm chôm nhãn	35.000	40.000
14	Củ dền	23.000	23.000	10	Chôm chôm Java	18.000	20.000
15	Cà thảo	25.000	25.000	11	Mãng cầu xiêm	30.000	42.000
16	Dưa leo	20.000	20.000	12	Mãng cầu ta	50.000	65.000
17	Cà tím	20.000	20.000	13	Dưa hấu	15.000	15.000
18	Bí đao	20.000	20.000	14	Thanh Long	30.000	35.000
19	Bí rợ	25.000	25.000	15	Sapo	35.000	40.000
20	Đậu bắp	20.000	20.000	16	Ổi	15.000	15.000
21	Khô qua	25.000	25.000	17	Táo xanh	80.000	110.000
22	Cà chua	25.000	25.000	18	Táo Mỹ	75.000	90.000
23	Hành lá	35.000	35.000	19	Táo Trung Quốc	50.000	60.000
24	Hẹ	30.000	30.000	20	Nho Mỹ (đen)	180.000	180.000
25	Khoai cao	30.000	30.000	III	Gạo		
26	Bắp cải trắng	17.000	17.000	1	Gạo thơm Jasmine	17.000	17.000
27	Đậu que	20.000	20.000	2	Gạo Hương Lài	19.000	19.500
28	Đậu đũa	15.000	15.000	3	Gạo thơm Đài Loan	20.000	20.000
29	Măng tươi	45.000	45.000	4	Gạo Nàng Hoa	18.500	18.500
30	Ốt	65.000	65.000	5	Gạo trắng thường	14.500	14.500

(Nguồn: Ban Biên tập Bản tin Thị trường - TT Thông tin Công nghiệp và Thương mại, Bộ Công Thương)

THÔNG TIN GIỚI THIỆU VỀ SẢN PHẨM OCOP TỈNH TRÀ VINH

BÁNH TRÁNG IMEX TRAVINH (OCOP TIỀM NĂNG 5 SAO – NĂM 2022) CÔNG TY LƯƠNG THỰC TRÀ VINH



Chịu trách nhiệm xuất bản:

PHẠM VĂN TÁM

Giám đốc Sở Công Thương

Ban Biên tập:

NGUYỄN THỊ MỘNG THU - Trưởng ban

VŨ HỒNG DƯƠNG - Phó Trưởng ban

PHẠM PHƯỚC TRÃI - Phó Trưởng ban

XUẤT BẢN PHẨM KHÔNG BÁN

In: 500 cuốn, khổ 19 x 27 cm. Tại Công ty Cổ phần VHTH Trà Vinh. Giấy phép xuất bản số 01/GP-XBBT do Sở Thông tin và Truyền thông cấp ngày 20/02/2023. In xong và nộp lưu chiểu tháng 3 năm 2023.